

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRUNG TÂM ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG CDMA  
S-TELECOM

Số: 340/TB/CSHO-MKT/S-Telecom

TP HCM, ngày 20 tháng 8 năm 2009

## THÔNG BÁO

V/v: Triển khai dịch vụ thanh toán cước phí trả sau S-Fone  
qua hệ thống Bưu điện của VNPT (VNPOST)

Kính gửi: - Các cửa hàng, Đại lý của S-Fone toàn quốc  
- Trung tâm dịch vụ khách hàng S-Fone, Tổng đài CallCenter toàn quốc  
- Phòng DVKH các Khu vực  
- Các Phòng / Ban liên quan

Căn cứ:

- Tờ trình 236/TT/CSHO/MKT ngày 12/05/2009 về "Hợp tác thu hộ cước trả sau với đối tác VNPOST"
- Hợp đồng số 127 S-Telecom-VNPOST, ngày 29/7/2009 và biên bản nghiệm thu kỹ thuật ngày 14/08/2009.

Trung tâm Điện thoại Di động CDMA (S-Telecom) thông báo về việc triển khai dịch vụ thanh toán cước trả sau S-Fone thông qua việc hợp tác với Tổng công ty Bưu chính Việt Nam-VNPT (VNPOST) qua các hệ thống Bưu điện/Bưu cục trên toàn quốc, cụ thể như sau:

### 1. Giới thiệu sơ lược về dịch vụ:

- Khách hàng có nhu cầu thanh toán cước phí thuê bao trả sau S-Fone có thể đến các Bưu Cục/Bưu điện trên toàn quốc của Tổng Công Ty Bưu Chính Việt Nam-VNPT để thanh toán cước trả sau S-Fone.
- Sau khi hoàn tất việc thanh toán, thuê bao được thanh toán sẽ được hệ thống cập nhật và gạch nợ tự động ngay lập tức và khách hàng sẽ nhận được phiếu chứng nhận nộp tiền của Bưu cục/Bưu điện. Sau 3 ngày kể từ ngày thực hiện giao dịch thanh toán thành công khách hàng sẽ nhận được hóa đơn thanh toán cước (giá trị gia tăng-VAT).

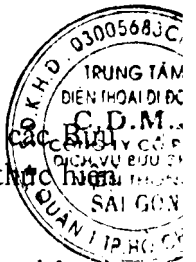
Lưu ý:

- Số tiền khách hàng phải thanh toán cước: Là toàn bộ số tiền cước và nợ trước (nếu có).
- P.DVKH-Khu vực thực hiện in và gửi hóa đơn thanh toán cước cho khách hàng theo địa chỉ khách hàng đã đăng ký qua đường Bưu điện.
- Danh sách các Bưu điện/ Bưu cục của VNPOST có triển khai thu cước S-Fone đính kèm.

### 2. Thời gian triển khai dịch vụ: Kể từ ngày 24/08/2009

### 3. Các màn hình liên quan đến Dịch vụ thanh toán cước qua các Bưu điện của VNPOST:

a) Màn hình thống kê:



- Chức năng: Thống kê các giao dịch thanh toán cước phát sinh qua các kênh thanh toán hợp tác với đối tác
  - Đường dẫn: Payment – Direct Payment – Other Payment Report (BPM0804\_CO)
    - ✓ Payment DT: Ngày thanh toán
    - ✓ Zone: Chọn Khu vực 1, 2, 3 , ALL (toàn quốc)
    - ✓ Provider : Chọn từng nhà cung cấp dịch vụ hoặc tất cả
- b) Màn hình in hóa đơn VAT thanh toán cước :
- Chức năng : In hóa đơn của các giao dịch thanh toán cước phát sinh qua các kênh hợp tác với đối tác (ATM, SMS, POS, WEB, Bru điện, Internet banking).
  - Đường dẫn: Accounts – Tax invoice Mgmt – Batch print for tax invoice (BAC0305\_CO), các thông tin cần trích lọc như sau:
    - ✓ Create date: chọn ngày phát sinh giao dịch thanh toán
    - ✓ Process agency ID: Chọn Khu vực (nhập số 1 nghĩa là Khu vực 1, 2 là Khu vực 2, 3 là Khu vực 3).
    - ✓ Bill Item: nhập chữ “ATMNEO”
    - ✓ Tax invoice no from: Nhập số seri hóa đơn theo số lượng hóa đơn cần in
    - ✓ Nhấn nút Save → nhấn biểu tượng in hóa đơn

#### 4. Nhiệm vụ của các Phòng/Ban liên quan

- Bộ Phận PR thực hiện đưa tin, bài viết ra công chúng về dịch vụ này.
- P.DVKH-Khu vực 1,2,3 thực hiện phát hành hóa đơn thanh toán cước cho khách hàng và tiếp nhận giải quyết khiếu nại cho khách hàng.
- P. DVKH-VPC phối hợp với P. Kế toán VPC thực hiện qui trình đối soát và thanh toán phí dịch vụ cho đối tác.

#### 5. Tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của khách hàng liên quan đến dịch vụ:

- Các nơi tiếp nhận khiếu nại của khách hàng nếu thuộc trách nhiệm, phạm vi và khả năng xử lý của S-Fone thì tự xử lý, giải quyết ngay cho khách hàng.
- Trường hợp không giải quyết được thì sẽ chuyển cho P.DVKH-VPC là đầu mối chính để liên hệ với đối tác xử lý. Sau khi tiếp nhận văn bản yêu cầu giải quyết khiếu nại từ S-Fone, đối tác VNPOST sẽ trả lời cho S-Fone bằng văn bản trong vòng 2 ngày làm việc.

Đầu mối liên hệ: Trần Thị Kim Yên – 095-886-8765 – [yenttk@stelecom.com.vn](mailto:yenttk@stelecom.com.vn)

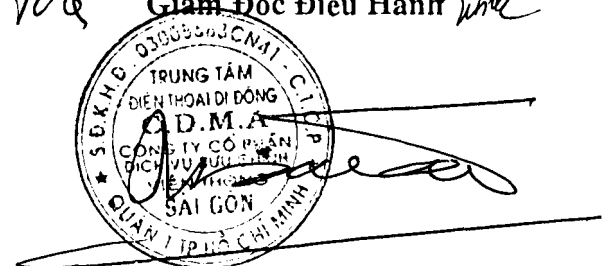
Các Phòng / Ban chức năng có trách nhiệm triển khai phổ biến thông báo này đến các Đại lý, Trung tâm dịch vụ khách hàng, Tổng đài viên và toàn thể nhân viên S-Telecom nắm rõ thông tin tư vấn khách hàng.

#### TRUNG TÂM ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG CDMA (S-TELECOM)

VTC Giám Đốc Điều Hành *[Chữ ký]*

#### Nơi nhận:

- Như trên
- Ban Điều Hành (để báo cáo)
- Lưu P. Hành chánh-Pháp lý
- BP. PR để truyền thông
- CSHO



Triển khai dịch vụ thu cước hợp tác với đối tác VNPOST

*Đỗ Văn Quát*  
GIÁM ĐỐC TIẾP THỊ & KINH DOANH

TỔNG CÔNG TY BC VIỆT NAM  
BAN DV TÀI CHÍNH BƯU CHÍNH

**THỐNG KÊ BƯU CỤC MỞ DỊCH VỤ**  
Thống kê theo văn bản đăng ký của các Bưu điện tỉnh, thành phố

STT	Số hiệu	Tên Bưu cục	Địa chỉ	Điện thoại	SL BC
<b>1. HÀ NỘI :000010</b>				<b>04</b>	<b>51</b>
1	100000	Giao dịch 1	75 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm	38255948	
2	118400	Giảng Võ	D2 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	39314017	
3	118600	Quán Thánh	8 Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội	39271693	
4	118700	Hùng Vương	16B Hùng Vương, Ba Đình, Hà Nội	37335976	
5	111400	Hàng Vải	46 Hàng Vải, Hoàn Kiếm Hà Nội	39281188	
6	118728	Nguyễn Thái Học	49 Nguyễn Thái Học, Ba Đình HN	37366283	
7	112400	Bách Khoa	A17 Tạ Quang Bửu, P.Bách Khoa	36643612	
8	112900	Chợ Hôm	19 Ngõ Thi Nhậm, Q.Hai Bà Trưng	39435895	
9	113900	Chợ Mơ	Số 1 Minh Khai, Hai Bà Trưng HN	38634269	
10	112310	Nguyễn Du	37 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng HN	38228896	
11	127000	Hai Bà Trưng	811 Giải Phóng, Hai Bà Trưng HN	36649409	
12	120500	Thanh Xuân Bắc	C10 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân	38545418	
13	120000	Thanh Xuân	51 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân	38587198	
14	115000	Đống Đa	117 Thái Thịnh, Đống Đa Hà Nội	38535376	
15	116000	Kim Liên	B15 tập thể Kim Liên, Đống Đa HN	35744913	
16	117000	Láng Trung	95 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa	38345415	
17	124700	Yên Phụ	16A Yên Phụ, Tây Hồ Hà Nội	37152139	
18	118000	Cống Vị	218 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	38325191	
19	122320	Nghĩa Tân	P119 A15 Nghĩa Tân, Cầu Giấy HN	37912820	
20	122000	Cầu Giấy	165 Cầu Giấy Q.Cầu Giấy Hà Nội	38341928	
21	123100	Xuân Thủy	209 Xuân Thủy, Q.Cầu Giấy HN	37950220	
22	131000	Gia Lâm	Phố Nguyễn Đức Thuận, Trâu Quỳ	38765444	
23	125400	Đức Giang	147 Ngõ Gia Tự, Đức Giang, L/Biên	38271466	
24	125600	Sài Đồng	Phố Nguyễn Văn Linh, Sài Đồng	38276581	
25	132200	Yên Viên	183 Hà Huy Tập, Yên Viên, G/Lâm	38780456	
26	125000	Long Biên	366 Ngọc Lâm, Long Biên Hà Nội	38770123	
27	134000	Thanh Trì	Khu Ga thị trấn Văn Điển, Thanh Trì	38615319	
28	129000	Cầu Diễn 2	Thị trấn Cầu Diễn huyện Từ Liêm	38330800	
29	129810	Cổ Nhuế	Ngã Tư Cổ Nhuế huyện Từ Liêm	37552810	
30	136000	Đông Anh	Tổ 4 Thị trấn Đông Anh Hà Nội	38832232	
31	138000	Bắc Thăng Long	Xã Hải Bối huyện Đông Anh HN	38810001	
32	138300	KCN Thăng Long	Nhà điều hành KCN Thăng Long	39515363	
33	139000	Sóc Sơn	Tổ 9 thị trấn Sóc Sơn, H.Sóc Sơn	38843317	
34	140700	Nội Bài	Sân bay Nội Bài, xã Phú Minh, S.Son	38840063	
35	142000	Mê Linh	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	38165777	
36	150000	Hà Đông	Số 4 Quang Trung, Hà Đông	33824254	
37	156700	Thanh Oai	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, HN	33873016	
38	157100	Ứng Hòa	32 Quang Trung, Vân Đình, Ứng hòa	33882191	
39	157600	Mỹ Đức	Thị trấn Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	33847101	
40	158500	Thường Tín	Thị trấn Thường Tín, Hà Nội	33853101	
41	158000	Phú Xuyên	Thị trấn Phú Xuyên	33854101	
42	152900	Hoài Đức	Thị trấn Trôi huyện Hoài Đức, HN	33664200	
43	153600	Phúc Thọ	Cụm 8 thị trấn Phúc Thọ, Hà Nội	33642002	
44	153300	Đan Phượng	Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng	33886501	
45	154000	Sơn Tây	1 Phùng Khắc Khoan, Sơn Tây HN	33832196	
46	154210	Sơn Lộc	03 Chùa Thông, Sơn Tây, Hà Nội	33832117	
47	154700	Ba Vì	Thị trấn Tây Đằng, h.Ba Vì, Hà Nội	33863037	
48	155700	Quốc Oai	Thị trấn Quốc Oai, H.Quốc Oai, HN	33843969	
49	155300	Thạch Thất	Đường 80 t/trấn Liên Quan, T/Thất	33842219	
50	156100	Chương Mỹ	Thị trấn Chúc Sơn, H.Chương Mỹ	33867101	
51	129100	Thăng Long	Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm	37681913	Mới

<b>2. HUNG YÊN : 000016</b>				<b>0321</b>	<b>35</b>
1	160000	GD Trung Tâm	Số 4 Chùa Chuông TX HY	3862507	
2	162200	GD Kim Động	Xã Lương Bằng, Kim Động, Hưng Yên	3810810	
3	161800	GD Ân Thi	TT Ân Thi, huyện Ân Thi, Hưng Yên	3830210	
4	162500	GD Khoái Châu	TT Khoái Châu, Hưng Yên	3911911	
5	163200	GD Mỹ Hào	TT Bần Yên Nhân, Mỹ Hào	3742742	
6	161300	GD Tiên Lữ	TT Vương, Tiên Lữ, Hưng Yên	3872872	
7	161600	GD Phù Cừ	TT Trần Cao, Phù Cừ	3850850	
8	162900	GD Yên Mỹ	Cầu Treo, Tân Lập, Yên Mỹ, Hưng Yên	3961961	
9	163500	GD Văn Lâm	TT Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên	3789789	
10	163800	GD Văn Giang	TT Văn Giang, huyện Văn Giang.	3932932	
11	161080	Lê Lợi	158 Điện Biên 2 P Lê Lợi	3862275	
12	161140	Trung Nghĩa	Đội 14 Đào Đặng	3884202	
13	161150	Chợ Gạo	153 Nguyễn V. Linh Nam Sơn	3862425	
14	161200	Độc Lã	Tiền Thắng Bảo Khê	3824160	
15	161050	Phổ Hiến	103 Bãi Sậy Quang Trung	3862311	
16	162270	Trương xá	Phố Trương Xá Toàn Thắng	3818101	
17	162300	Thọ Vinh	Xã Thọ Vinh	3817234	
18	162330	Đức Hợp	Thôn Bông Hạ Đức Hợp	3817250	
19	161840	Tân Phúc	Thị Tứ Tân Phúc, Tân Phúc	3835001	
20	162511	Bồ Thờ	Hồng Tiến	3920101	
21	163201	Bản	Thị trấn Bản	3943103	
22	163250	Chợ Thửa	Thôn Tháp Dị Sừ	3943102	
23	163330	Bạch Sam	Thôn Bến Bạch Sam	3945102	
24	161370	Ba Hàng	Thôn Ba Hàng Thủ Sỹ	3877701	
25	161430	Thụy Lôi	Thôn Thụy Lôi Xã Thụy Lôi	3875306	
26	161611	Cầu Cáp	Thôn Cầu Cáp Đoàn Đào	3854009	
27	161650	Đình Cao	Thôn Đình Cao Đình Cao	3854008	
28	161700	La Tiên	Thôn La Tiên Nguyên Hoà	3859701	
29	162960	Trai Trang	TT Yên Mỹ	3964767	
30	163040	Minh Châu	Lực Điền Minh Châu	3975225	
31	163530	Trung Trắc	Thôn Tuấn Dị Trung Trắc	3980101	
32	163670	Lạc Đạo	Xóm Ngọc, Lạc Đạo	3955150	
33	163507	Như Quỳnh	Như Quỳnh	3985101	
34	163830	Long Hưng	Xã Long Hưng	3935101	
35	163910	Mễ Sở	Phố Chợ Mễ Sở	3938101	
<b>3. HẢI DƯƠNG : 000017</b>				<b>0320</b>	<b>25</b>
1	170000	BĐ TP Hải Dương	Số 1 đại lộ Hồ Chí Minh Hải Dương	3853501	
2	174200	BĐH Chí Linh	Phố Nguyễn Trãi 2 - TT Sao Đỏ	3882203	
3	173800	BĐH Kinh Môn	Phố Kinh Hạ - TT Kinh Môn	3822101	
4	173100	BĐH Kim Thành	Phố Ga - TT Phú Thái	3720101	
5	173400	BĐH Nam Sách	Phố Mới - TT Nam Sách	3757610	
6	172700	BĐH Thanh Hà	Khu 7 - TT Thanh Hà	3815101	
7	176500	BĐH Tứ Kỳ	Thôn An Đông - TT Tứ Kỳ	3747101	
8	175400	BĐH Gia Lộc	Thôn Phương Điểm - TT Gia Lộc	3716466	
9	174700	BĐH Cẩm Giàng	Khu 16 - TT Lai Cách	3786101	
10	175100	BĐH Bình Giang	Đường Thống Nhất - TT Kê Sặt	3777101	
11	175800	BĐH Thanh Miện	Khu 1 - TT Thanh Miện	3736101	
12	176100	BĐH Ninh Giang	Khu 6 - TT Ninh Giang	3767221	
13	171980	Thanh Bình	Đường Nguyễn Lương Bằng	3891101	
14	175260	Thái Học	Phố Phú Thái Học	3778225	
15	174880	Cẩm Giàng Ga	Khu Ga TT Cẩm Giàng Ga	3789101	
16	174410	Phả Lại	TT Phả Lại	3881101	
17	173280	Đông Gia	TT Đông Gia	3724101	
18	173940	Thái Mông	Phúc Thành	3823101	
19	176730	Cầu Xe	Thôn Hàm Hy Cộng Lạc	3749470	
20	176580	Hung Đạo	TT Hung Đạo	3748101	
21	175880	Hồng Quang	Xã Hồng Quang	3738207	

22	176140	Cầu Ràm	Xã Tân Hưng	3760601	
23	172910	Chợ Hệ	Đồng Bừa Thanh Bình	3819101	
24	175590	Đoàn Thượng	Thôn Tráng Đoang Thượng	3710101	
25	174830	Cầu Ghê	Tràng Kỳ Tân Trường	3786403	

<b>4. HẢI PHÒNG : 000018</b>				<b>031</b>	<b>31</b>
------------------------------	--	--	--	------------	-----------

1	180000	BĐ TP Hải phòng	Số 05 Nguyễn Tri Phương	3823010	
2	184800	BĐH An Dương	Số 10 Thị trấn An Dương, huyện An Dương	3871568	
3	185300	An Lão	Số 27 Lê Lợi, Thị trấn An Lão,	3872398	
4	187300	Cát Hải	Số 18, đường 1/4, thị trấn Cát Bà	3888951	
5	187100	Đồ Sơn	Số 85, Lý Thánh Tông, quận Đồ Sơn	3861289	
6	185100	Kiến An	Số 2 Phan Đăng Lưu, quận Kiến An	3790173	
7	186700	Kiến Thụy	Số 3, Cẩm Xuân, Thị trấn Núi Đồi,	3881245	
8	185600	Tiên Lãng	Khu 7 Minh Đức, Thị trấn Tiên Lãng	3883202	
9	183000	Thủy Nguyên	Số 5, đường Đà Nẵng, Thị trấn Núi Đèo,	3873956	
10	186200	Vĩnh Bảo	Số 129, đường Đông Thái, Thị trấn Vĩnh Bảo	3884302	
11	181810	Ngô Quyền	Số 3 Võ Thị Sáu, Phường Máy tơ, Ngô Quyền	3686042	
12	182110	Vạn Mỹ	số 343 Đà Nẵng, Phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền	3769548	
13	183710	Lê Chân	Số 67 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân	3719325	
14	181310	Hồng Bàng	số 36 Quang Trung, Hồng Bàng	3838500	
15	181290	Cảng Mới	Khu 7 Quán Toan, Hồng Bàng	3850014	
16	182450	Hàng Kênh	số 125 Lạch Tray, Ngô Quyền	3847043	
17	182610	Nguyễn Bình Khiêm	Số 1 Văn Cao, P. Đông Hải, Quận Hải An	3733041	
18	187380	Hoà Quang	Cát Hải	3886363	
19	185180	Quán Trữ	Lê Duẩn, Phường Quán Trữ, Quận Kiến An	3576566	
20	186730	Hoà Nghĩa	Khu dân cư Thủy Giang, Hoà Nghĩa, Dương Kinh	3860221	
21	186790	Chợ Hương	Khu dân cư Phương Lung, Hưng Đạo, Dương Kinh	3881581	
22	185960	Hùng Thắng	Hùng Thắng, Huyện Tiên Lãng	3882206	
23	185920	Đông Quy	Toàn Thắng, Huyện Tiên Lãng	3883205-3883387	
24	185660	Hoà Bình	Tiên Cường, Huyện Tiên Lãng	3883204	
25	185770	Cầu Đầm	Tân Lập, Đoàn Lập, Huyện Tiên Lãng	3883204-3583378	
26	183090	Minh Đức	Khu đường phố, Minh Đức, Thủy Nguyên	3875025	
27	183050	Phả Lễ	Thôn 2, Phả Lễ, Thủy Nguyên	3875206	
28	183200	Cầu Giá	Chợ tổng, Cầu Giá, Thủy Nguyên	3975020	
29	183300	Quảng Thanh	Thanh Lãng, Quảng Thanh, Thủy Nguyên	3673258	
30	183330	Trịnh Xá	Trịnh Xá, Trịnh Xá, Thủy Nguyên	3873216	
31	183370	Tân Hoa	Ngã 3, Tân Hoa, Thủy Nguyên	3774680	

<b>5. QUẢNG NINH : 000020</b>				<b>033</b>	<b>30</b>
-------------------------------	--	--	--	------------	-----------

1	206800	BĐ TX Móng Cái	Phố Hòa Lạc TX Móng cái	3882780	
2	200000	BĐ TX Hòn Gai	Phường Bạch Đằng TP Hạ Long	3825571	
3	203200	BĐ TX Cẩm Phả	Phường Cẩm Thành	3862400	
4	207900	BĐ Uông Bí	Phường Quang Trung TX Uông Bí	3854323	
5	207500	Yên Hưng	Đường Ngô Quyền, thị trấn Quảng Yên, Yên Hưng	3875204, 3875317, 0015869208	
6	207620	Cây Số 11	Thôn Tân Mai 2, Xã Đông Mai, Yên Hưng	3873238	
7	207750	Phong Cốc	Thôn 2, Xã Phong Cốc, Yên Hưng	3680734	
8	205500	Cô Tô	Khu 2, Thị trấn Cô Tô, Cô Tô	3889205, 3889213	
9	206100	Bình Liêu	Đường 18C khu Bình Quyền, Thị trấn Bình Liêu, Bình Liêu	3878252	
10	208370	Nam Khê	Tổ 4 khu phố Tre Mai, Phường Nam Khê, Uông Bí	3660828, 3850999	
11	208410	Phương Đông	Cụm Tiểu Khu Cầu Sến, Xã Phương Đông, Uông Bí	3851227, 0916854499	
12	208220	Vàng Danh	Tổ 12A1 Cụm 4, Phường Vàng Danh, Uông Bí	3853131, 3853011, 2660000	
13	205300	Vân Đồn	Tổ 4 Khu phố 4, Thị trấn Cái Rồng, Vân Đồn	3874503	
14	202150	Hà Khánh	Tổ 24 Khu 3, Phường Hà Khánh, TP Hạ Long	3657588	
15	201130	Cột 5	Tổ 60C khu 5A, Phường Hồng Hà, TP Hạ Long	3835816, 3835815	
16	202620	Kênh Đổng	Tổ 1A khu 3B, Phường Giếng Đáy, TP. Hạ Long	3845272 3846567	

17	202400	Hạ Long	Khu 2 Phố Vườn Đào, Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long	3846203	
18	201350	Hà Tu	Tổ 46A khu 5, Phường Hà Tu, TP. Hạ Long	3835908, 0912820505	
19	201830	Hà Lâm	Tổ 2 Khu 4, Phường Hà Lâm, TP. Hạ Long	3612046	
20	207200	Hoành Bồ	Tổ 4 Khu 4, Thị trấn Trới, Hoành Bồ	3858466, 3858201	
21	204120	Cửa Ông	Tổ 115 khu Bến Tàu, Phường Cửa Ông, Cẩm Phả	3865545	
22	203800	Cọc 6	Tổ 123 Cụm 8, Phường Cẩm Phú, Cẩm Phả	3865100	
23	204880	Quang Hanh	Tổ 14 Cụm 5, Phường Quang Hanh, Cẩm Phả	3862439	
24	204300	Mông Dương	Tổ 108 cụm 6, Phường Mông Dương, Cẩm Phả	3865119 3866370	
25	205600	Tiên Yên	Phố Lý Thường Kiệt, Thị trấn Tiên Yên, Tiên Yên	3876819	
26	205900	Ba Chẽ	Khu 3, Thị trấn Ba Chẽ, Ba Chẽ	3888214 3888303	
27	206300	Đầm Hà	Thôn 1, Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	3880820	
28	206500	Hải Hà	Phố 4A Đường Chu Văn An, Thị trấn Hải Hà, Hải Hà	3879111 3879206	
29	208600	Đông Triều	Khu 3 Đường Trần Nhân Tông, Thị trấn Đông Triều	3870023	
30	208650	Mạo Khê	Đường Hoàng Hoa Thám, Thị trấn Mạo Khê, Đông Triều	3871273	

**6. BẮC NINH : 000022**
**0241**
**19**

1	220000	BĐ TT TP Bắc Ninh	413 Ngõ Gia Tự Tiền An	3 821 560	
2	221400	BĐH Yên phong	TT Chờ Huyện YP	3 860 011	
3	221800	BĐH Tiên Du	TT Lim Huyện Tiên Du	3 837 110	
4	222100	BĐH Từ Sơn	Thị Xã Từ Sơn	3 831 604	
5	222400	BĐH Thuận Thành	TT Hồ, huyện Thuận thành, Bắc Ninh	3 865 280	
6	222800	BĐH Quế Võ	TT Phố Mới, Quế Võ	3 863 233	
7	223200	BĐH Gia Bình	TT Đông Bình Gia Bình	3 556 083	
8	223500	BĐH Lương Tài	TT Thửa huyện Lương Tài	3 867 020	
9	221240	Lý Thái Tổ	16 Lý Thái Tổ Bắc Ninh	3 827030	
10	222120	Trần Phú	Phường Trần Phú TX Từ Sơn	3 743444	
11	222260	Đình Bảng	Đình Bảng Từ Sơn	3 840002	
12	223350	Chợ Núi	Bảo Tháp Đông Cứu Gia Bình	3 556168	
13	223360	Chợ Ngụ	Phố Ngụ Nhân Thắng Gia Bình	3 878999	
14	222930	Nội Doi	Đại Xuân Quế Võ	3 863249	
15	223610	Kênh Vàng	Phố Kênh Vàng Lương Tài	3 868020	
16	222540	Chợ Dầu	Thanh Khương Thuận Thành	3 798200	
17	222570	Trạm Lộ	Trạm Lộ Thuận Thành	3 866836	
18	221940	KCN Tiên Sơn	Hoàn Sơn Tiên Du	3 714090	
19	222413	Phố Hồ	Phố Hồ Thuận Thành	3775500	

**7. BẮC GIANG 000023**
**0240**
**11**

1	230000	BĐ TX Bắc Giang		3857101	
2	231530	BC 3 Ng. Văn Cừ	Số 3 Nguyễn Văn Cừ, TP Bắc giang	3844902	
3	232500	BĐH Sơn Động	TT Huyện Sơn động	3886131	
4	233000	BĐH Lục Ngạn	TT Lục ngạn	3882261	
5	231800	BĐH Lục Nam	TT Lục Nam	3884234	
6	234000	BĐH Lạng Giang	TT Lạng Giang	3881301	
7	234700	BĐH Yên Thế	TT Yên Thế	3876295	
8	235300	BĐH Tân Yên	TT Tân Yên	3878262	
9	236600	BĐH Hiệp Hòa	TT Hiệp Hòa	3872295	
10	236100	BĐH Việt Yên	TT Việt Yên	3874312	
11	237200	BĐH Yên Dũng	TT Yên Dũng	3870281	

**8. LẠNG SƠN : 000024**
**025**
**14**

1	240000	BC Trung tâm	49 Lê Lợi, TP Lạng Sơn	3716263	
2	241000	BC Cửa Đông	12 Hùng Vương, TP Lạng Sơn	3810273	
3	243100	Tràng Định	Khu 2, thị trấn Thất Khê	3993 005	
4	242500	Văn Lãng	Khu3, thị trấn Na Sầm	3880 209	
5	241900	Đồng Đăng	Khu Dây thép, thị trấn Đồng Đăng	3851 446	
6	241800	Cao Lộc	Khối 6, thị trấn Cao Lộc	3861 498	

7	246800	Lộc Bình	Phố Hoà Bình, thị trấn Lộc Bình	3840 330	
8	247500	Đình Lập	Khu 4, thị trấn Đình Lập	3846 372	
9	245600	Chi Lăng	Khu Chính, thị trấn Đông Mỏ	3820 209	
10	246100	Hữu Lũng	Khu An Ninh, thị trấn Hữu Lũng	3825 101	
11	243900	Văn Quan	Phố Đức Tâm 2, thị trấn Văn Quan	3830 077	
12	244500	Bình Gia	Thôn Ngã Tư, xã Tô Hiệu	3834 101	
13	245000	Bắc Sơn	Tiểu khu Hoàng Văn Thụ, thị trấn	3837 373	
14	241350	Kỳ Lừa	06 Lê Lai, Phường Hoàng Văn Thụ	3712 707	

<b>9. THÁI NGUYÊN : 000025</b>			<b>0280</b>	<b>15</b>
--------------------------------	--	--	-------------	-----------

1	250000	BD TP Thái Nguyên	P. Phan Đình Phùng TPTN	3753437	
2	251540	Đông Quang BC3	P. Hoàng Văn Thụ TPTN	3750247	
3	252050	Lưu Xá BCục3	P. Trung Thành TPTN	3834239	
4	251370	Thịnh Đán BC3	P. Thịnh Đán TPTN	3846101	
5	251130	Quán Triều BC3	P. Quán Triều TPTN	3744713	
6	252500	BDH Đông Hỷ	TT Chùa hang-Đông Hỷ TN	3820730	
7	253200	BDH Võ Nhai	TT Đình Cả-Võ Nhai TN	3827230	
8	255300	BDH Đại Từ	TT Đại Từ-Đại Từ TN	3824996	
9	253800	BDH Phú Lương	TT Đu-Phú Lương TN	3774002	
10	254400	BDH Định Hoá	TT Chợ Chu-Định Hoá TN	3878333	
11	256400	BDH Sông Công	P. Thắng Lợi-Sông Công TN	3862462	
12	256800	BDH Phô Yên	TT Ba Hàng-Phô Yên TN	3863113	
13	257500	BDH Phú Bình	TT úc Sơn-Phú Bình TN	3867654	
14	251750	Phú Xá BC3	Phường Phú xá thành phố TN	3847101	
15	251210	Mỏ Bạch BC3	P. Hoàng Văn Thụ thành phố TN	3759162	

<b>10. BẮC KẠN 000026</b>			<b>0281</b>	<b>8</b>
---------------------------	--	--	-------------	----------

1	260000	BD TT Bắc Kạn	Tô 7B Phường Đức Xuân	3870101	
2	263800	Chợ Mới	TT Chợ Mới	3864013	
3	261300	Na Rì	TT Yên Lạc	3884101	
4	263200	Chợ Đồn	TT Bằng Lũng	3882388	
5	262700	Ba Bè	TT Chợ Rã	3876101	
6	262300	Ngân Sơn	Xã Vân Tùng Huyện Ngân Sơn	3874101	
7	261900	Bạch Thông	TT Phú thông	3850076	
8	264300	Pắc Nặm	Xã Bộc Bó Huyện Pắc Nặm	3893001	

<b>11. CAO BẰNG : 000027</b>			<b>026</b>	<b>15</b>
------------------------------	--	--	------------	-----------

1	270000	BD TX Cao Bằng	TX Cao Bằng	3853774	
2	276200	BDH Bảo Lạc	TT Bảo lạc	3870229	
3	276700	BDH Bảo Lâm	TT Bảo Lâm	3885108	
4	272200	BDH Hạ Lang	TT Hạ Lang	3830220	
5	274600	BDH Hà Quảng	TT Hà Quảng	3862134	
6	273800	BDH Hoà An	TT Hoà An	3860102	
7	275600	BDH Nguyên Bình	TT Nguyên Bình	3872101	
8	277800	BDH Phục Hoà	TT Phục Hoà	3822101	
9	271500	BDH Quảng Uyên	TT Quảng Uyên	3820102	
10	275200	BDH Thông Nông	TT Thông Nông , Cao Bằng	3875311	
11	273400	BDH Trà Lĩnh	TT Hùng Quốc, Trà Lĩnh, Cao Bằng	3880224	
12	272700	BDH Trùng Khánh	Khu II, Thị trấn Trùng Khánh, Cao Bằng	3826135	
13	271310	Đề thám	Khu Đề Thám Q13 Km5, Xã Đề Thám, Cao Bằng,	3750003	
14	277801	Tà Lùng	Khu Pò Tập, Thị Trấn Tà Lùng, Phục Hòa, Cao Bằ	3824179	
15	277100	Thạch An	Khu I, Thị Trấn Đông Khê, Thạch An, Cao Bằng	3840195	

<b>12. VINH PHÚC : 000028</b>			<b>0211</b>	<b>14</b>
-------------------------------	--	--	-------------	-----------

1	280000	BD TP Vinh Yên	Số 2 Ngô Quyền	3847937	
2	280100	BC Đông Tâm	P. Đông Tâm TP VY	3867101	
3	281200	BDH Bình Xuyên	TT Hương Canh, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	3866184	
4	283600	BDH Tam Đảo	Xã Hợp Châu, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	3896008	
5	282300	BDH Vĩnh Tường	Khu 3 Thị trấn	3839101	

6	282420	BDH Thổ Tang	Thị trấn Thổ Tang	3838109	
7	281500	BDH Tam Dương	Thị trấn Hợp Hoà	3833265	
8	281800	BDH Lập Thạch	Thị trấn Lập Thạch	3829217	
9	281850	BC Liễn Sơn	Xã Liễn Sơn, Lập thạch, Vĩnh Phúc	3831100	
10	281980	BC Bến Then	TT Tam Sơn - Lập thạch	3858003	
11	282800	BDH Yên Lạc	Thị trấn Yên Lạc	3836088	
12	283400	BC Phúc Yên	Tiền Châu, TX Phúc Yên, Vĩnh Phúc	3869230	
13	283401	BC Trưng Trắc	Phường Trưng Trắc, TX Phúc Yên, Vĩnh Phúc	3869270	
14	283460	BC Xuân Hoà	Phường Xuân Hoà, TX Phúc Yên, Vĩnh Phúc	3863072	
<b>13. PHÚ THỌ : 000029</b>				<b>0210</b>	<b>13</b>
1	290000	BD TP Việt Trì	1468 Hùng Vương TP Việt Trì	3846008	
2	292300	BD H Phù Ninh	TT Huyện Phù Ninh	3829727	
3	292900	BD H Lâm Thao	TT Huyện Lâm Thao	3825927	
4	293500	BD Thị xã Phú Thọ	82 Phú An Phong Châu	3820332	
5	294500	BDH Thanh Thủy	Xã La Phù Thanh Thủy	3877101	
6	294900	BDH Đoan Hùng	TT Đoan Hùng	3880219	
7	295600	BDH Thanh Ba	Khu 6 TT Thanh Ba	3885216	
8	297000	BD Huyện Cẩm Khê	Khu 9 TT Sông Thao	3889103	
9	299400	BDH Tân Sơn	Xã Tân Phú Huyện Tân Sơn	3615048	
10	294000	BDH Tam Nông	TT Hưng Hóa	3879001	
11	297600	BDH Yên Lập	TT Yên Lập	3870452	
12	298200	BDH Thanh Sơn	TT Thanh Sơn	3613496	
13	296200	BDH Hạ Hoà	TT Hạ Hòa	3883009	
<b>14.TUYÊN QUANG : 000030</b>				<b>027</b>	<b>7</b>
1	300000	BD TX Tuyên Quang	Số 609 Quang Trung, phường Phan Thiết,	3922790	
2	303800	BDH Chiêm Hoá	Tổ Vĩnh Lim, TT Vĩnh Lộc, H. Chiêm Hoá	3851656	
3	305500	BDH Hàm Yên	Tổ Tân Thịnh, TT Tân Yên, H. Hàm Yên	3843286	
4	302800	BDH Sơn Dương	Tổ Tân Thịnh, TT Sơn Dương, H. Sơn Dương	3836601	
5	301000	BDH Yên Sơn	Xóm 6, xã Hưng Thành, thị xã Tuyên Quang	3872104	
6	304800	BDH Na Hang	Tổ 3, thị trấn Na Hang, Huyện Na Hang TQ	3865075	
7	301020	BC Minh Xuân	Tổ 15, Phường Minh Xuân TXTuyên Quang	3815600	
<b>15. HÀ GIANG : 000031</b>				<b>0219</b>	<b>11</b>
1	310000	BD TX Hà Giang	Phường Nguyễn Trãi	3866486	
2	312600	Đồng Văn	Thị trấn Phó Bảng	3856130	
3	312100	Mèo Vạc	Thị trấn Mèo Vạc	3871125	
4	311500	Yên Minh	Thị trấn Yên Minh	3852006	
5	313100	Quản Bạ	Thị trấn Tam Sơn	3846124	
6	311200	Bắc Mê	Xã Yên Phú	3841191	
7	313400	Vị Xuyên	Thị trấn Vị Xuyên	3826265	
8	314800	Bắc Quang	Thị trấn Việt Quang	3821123	
9	315200	Quang Bình	Xã Yên Bình	3820125	
10	313900	Hoàng Su Phì	Thị trấn Việt Vinh	3831000	
11	314400	Xín Mần	Xã Xín Mần	3836266	
<b>16.YÊN BÁI : 000032</b>				<b>029</b>	<b>10</b>
1	320000	BC Yên Bái ga	Số 273 đường Trần Hưng Đạo, TP Yên Bái	3862338	
2	321110	BC Yên Bái km5	Số 27 đường Đinh Tiên Hoàng, TP Yên Bái	3852577	
3	325600	Nghĩa Lộ	Tổ 18 phường Trung tâm, thị xã Nghĩa Lộ	3870195	
4	321900	Yên Bình	Khu 1 thị trấn Yên Bình, tỉnh Yên Bái	3885103	
5	322600	Lục Yên	Số 324 Nguyễn Tất Thành, TT Yên Thế,	3845315	
6	323300	Trần Yên	Khu 3 thị trấn Cổ Phúc, huyện Trần Yên	3825293	
7	324000	Văn Yên	Khu phố 3 thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên	3834136	
8	324700	Văn Chấn	Xã Sơn Thịnh, thị trấn huyện Văn Chấn	3874108	
9	325900	Trạm Tấu	Thị trấn huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái	3876103	
10	326100	Mù Cang Chải	Thị trấn huyện Mộ Cang Chải, tỉnh Yên Bái	3878134	

<b>17. LÀO CAI : 000033</b>				<b>020</b>	<b>14</b>
1	330000	BĐ TT Lào Cai	196 Đ. Hoàng Liên, Cốc Lếu,	3820117	
2	333470	BC Cốc Lếu	005 Hoà An, Cốc Lếu, TP Lào Cai	3820118	
3	333400	BC Cửa Khẩu	013 Nguyễn Huệ, Lào Cai, TP Lào Cai	3830414	
4	333840	BC Hoàng Liên	Đường Khánh Yên, Phố Mới, TP Lào Cai	3832652	
5	333570	BC Kim Tân	613, phường Kim Tân, TP Lào Cai	3844669	
6	333680	BC Pom Hán	Tổ 14, Pom Hán, TP Lào Cai	3852419	
7	331000	BĐH Bắc Hà	Thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà	3880200	
8	334100	BĐH Bảo Thắng	Đường 15/5, thị trấn Phố Lu,	3862250	
9	335300	BĐH Bảo Yên	Khu 5, TT Phố Ràng, huyện Bảo Yên	3876181	
10	332500	BĐH Bát Xát	Đường Hùng Vương, thị trấn Bát Xát,	3883063	
11	331900	BĐ Mường Khương	Phố Cũ, xã Mường Khương,	3881239	
12	333100	BĐH Sa Pa	phố Hàm Rồng, Đ Thạch Sơn, TT Sa Pa	3871298	
13	331600	BĐH Si Ma Cai	Phố Cũ, xã Si Ma Cai, Huyện Si Ma Cai	3796006	
14	334700	BĐH Văn Bàn	Tổ 7, thị trấn Khánh Yên, huyện Văn Bàn	3882102	
<b>18. HÒA BÌNH : 000035</b>				<b>0218</b>	<b>13</b>
1	351240	BC Tân Thịnh	Phường Tân Thịnh TP Hòa Bình	3881723	
2	350000	Hoà Bình	Đường Trần hưng đạo P. Phương lâm TP Hoà bình	3857805	
3	355100	Kim Bôi	Khu Thành công Thị trấn bo Huyện Kim Bôi Tỉnh	3871101	
4	353700	Cao Phong	Khu 2 Thị trấn Cao Phong huyện Cao Phong Tỉnh	3844471	
5	353900	Lạc Sơn	Phố đoàn kết thị trấn Vụ bản huyện Lạc Sơn T Hoà	3861102	
6	351500	Kỳ Sơn	Khu 1 thị trấn kỳ sơn Huyện Kỳ sơn T Hoà Bình	3842377	
7	353300	Mai Châu	Tiểu khu 2 thị trấn Mai châu huyện Mai châu T Ho	3867091	
8	354800	Yên Thủy	Khu 11 thị trấn Hàng trạm huyện Yên thủy T Hoà	3864311	
9	355800	Lạc Thủy	Tiểu khu 3 Thị trấn chí nê huyện Lạc thủy T Hoà B	3874119	
10	352200	Đà Bắc	Tiểu khu Liên phường Thị trấn đà bắc Huyện đà b	3827204	
11	352700	Tân Lạc	khu 2 thị trấn tân lạc huyện Tân lạc tỉnh Hoà Bình	3834017	
12	351700	Lương Sơn	Tiểu khu 8 thị trấn Lương sơn Huyện Lương sơn T	3825517	
13	351000	Phương lâm	Đường Cù Chính Lan Phường Phương lâm TP Hoà	3852067	
<b>19. SON LA : 000036</b>				<b>022</b>	<b>1</b>
1	360000	Bru cục Sơn La	Số 172, đường Tô Hiệu -Thị xã sơn la	3854726	
<b>20. ĐIỆN BIÊN : 000038</b>				<b>0230</b>	<b>9</b>
1	380000	BĐ TP Điện biên	896 Đường 7/5 ph. Mường Thanh	3825835	
2	381400	BĐ Huyện Điện Biên	Tổ Dân phố 6 Phường Nam Thanh	3924159	
3	382000	H. Điện Biên Đông	TT Huyện ĐBD	3891234	
4	382500	BĐH Tuần Giáo	TT Huyện Tuần Giáo	3862376	
5	383600	BĐH Tủa Chùa	TT Huyện Tủa Chùa	3845103	
6	383300	BĐH Mường Chà	TT Huyện Mường Chà	3842719	
7	383900	BĐ TX Mường Lay	Tổ 11 Phường Sông Đà	3852303	
8	384000	BĐH Mường Nhé	TT Huyện Mường Nhé	3740019	
9	384800	BĐH Mường Ảng	TT Huyện Mường ảng	3865103	
<b>21. LAI CHÂU : 000039</b>				<b>0231</b>	<b>7</b>
1	390000	BC thị xã Lai Châu	Phố Phong Châu 2 Phường Đoàn Kết	3875278	
2	392900	Bru cục Than Uyên	Khu 3 - Thị trấn Than Uyên - H Than Uyên	3785478	
3	391100	Bru cục Tam Đường	Thị Trấn Tam Đường	3879451	
4	392300	Bru cục Sin Hồ	Thị Trấn Sin Hồ	3870118	
5	391500	Bru cục Phong Thổ	Thị Trấn Phong Thổ	3896227	
6	393600	Bru cục Tân Uyên	Khu 2 - Thị trấn Tân Uyên - H Than Uyên	3786080	
7	391900	Bru cục Mường Tè	Thị Trấn Mường Tè	3881174	
<b>22. HÀ NAM : 000040</b>				<b>0351</b>	<b>6</b>
1	400000	Bru điện Phủ Lý	Số 114 đường Trần Phú	3843546	
2	403800	Bru điện Bình Lục	Tiểu khu Bình thắng Bình Mỹ	3860007	
3	402300	Bru điện Duy Tiên	Thị trấn Hòa Hòa Mạc	3830009	

4	402700	Bru điện Kim Bảng	Xóm 10 TT Quế Kim Bảng	3532929	
5	401500	Bru điện Lý Nhân	Khu phố 1 TT Vĩnh Trụ	3870096	
6	403300	Bru điện Thanh Liêm	Khu Cầu Gừng Xã Thanh Tuyền	3501727	
<b>23. THÁI BÌNH : 000041</b>				<b>036</b>	<b>8</b>
1	410000	GD Trung tâm	Phố Lý Bôn TP Thái Bình	3838643	
2	414900	BĐ Vũ Thư	Khu Minh Tân 1 TT Vũ Thư	3826201	
3	415500	BC Kiến Xương	Khu Cộng Hòa TT Kiến Xương	3821784	
4	416200	BĐ Tiên Hải	Khu phố Tiêu Hoàng	3823678	
5	412100	BĐ Đông Hưng	Khu 3 TT Đông Hưng	3851222	
6	414200	BĐ Hưng Hà	Khu Nhân Cầu 1 TT Hưng Hà	3861265	
7	413600	BĐ Quỳnh Phụ	Khu 1B TT Quỳnh Côi	3863261	
8	412800	BĐ Thái Thụy	Khu 6 TT Diêm Điền	3753473	
<b>24. NAM ĐỊNH : 000042</b>				<b>0350</b>	<b>10</b>
1	420000	BĐ TP Nam Định	Số 4 Hà Huy Tập TP Nam Định	3843074	
2	423900	BĐH Mỹ Lộc	Km8 quốc lộ 21, TT Mỹ Lộc	3810752	
3	424200	BĐH Vụ Bản	Đường Lương Thế Vinh, TT Gôi	3820101	
4	424600	BĐH Nam Trực	Km9+500 TT Nam Giang	3827003	
5	425100	BĐH Trực Ninh	Đường Điện Biên TT Cổ Lễ	3881003	
6	425700	BĐH Ý Yên	Đường 57A Khu công nghiệp TT Lâm	3823760	
7	426500	BĐH Nghĩa Hưng	43 khu 1 TT Liễu Đề	3871101	
8	427100	BĐH Xuân Trường	Tổ 18 TT Xuân Trường	3886110	
9	427800	BĐH Giao Thủy	Khu 3 TT Ngô Đồng	3730602	
10	428200	BĐH Hải Hậu	Khu 3 TT Yên Định	3877101	
<b>25. NINH BÌNH : 000043</b>				<b>030</b>	<b>17</b>
1	430000	BĐ TP Ninh Bình	Số 1 Trần Hưng Đạo Ph. Phúc Thành	3871104	
2	431900	BĐ Hoa Lư	TT Thiên Tôn, Hoa Lư, Ninh Bình	3622101	
3	432200	BĐH Gia Viễn	Thị trấn Me, Gia Viễn, Ninh Bình	3868101	
4	432600	BĐH Nho Quan	TT Nho Quan, Nho Quan, Ninh Bình	3504230	
5	433300	BĐTX Tam Điệp	Phường Trung Sơn TX Tam Điệp	3501133	
6	433600	BĐH Yên Mô	TT Yên Thịnh, Yên Mô, NB	3869101	
7	433900	BĐH Kim Sơn	TT Phát Diệm, Kim Sơn, Ninh Bình	3862101	
8	434500	BĐH Yên Khánh	TT Yên Ninh, Yên Khánh, NB	3841202	
9	431060	Ga	Đường Lê Đại Hành, phường Thanh Bình, TP Ninh Bình	3874201	
10	431300	Tân Thành	Đường Trần Hưng Đạo, Phường Tân Thành, TP Ninh Bình	3882944	
11	431150	Phúc Khánh	Phố Phúc Thịnh, Phường Bích Đào, TP Ninh Bình	3881497	
12	432060	Cầu Yên	Xóm Bộ Đầu, Xã Ninh An, Huyện Hoa Lư	3610001	
13	432250	Gián	Thôn Gián Khẩu, Xã Gia Trán, Huyện Gia Viễn	3868260	
14	432970	Rịa	Thôn Rịa, Xã Phú Lộc, Huyện Nho Quan	3846201	
15	434070	Quy Hậu	Thôn Tôn Đạo, Xã Ân Hoà, Huyện Kim Sơn	3862003	
16	434710	Khánh Phú	Thôn Phú Tân, Xã Khánh Phú, Huyện Yên Khánh	3842101	
17	434760	Khánh Nhạc	Xóm 3, Xã Khánh Nhạc, Huyện Yên Khánh	3841205	
<b>26. THANH HÓA : 000044</b>				<b>037</b>	<b>27</b>
1	440000	BĐ Trung tâm	33 Trần Phú Phường Điện Biên	3880109	
2	441570	Lai Thành -BC3	384 Lê Lai Phường Đông Sơn TP TH	3776559	
3	441430	Đông Vệ-BC3	179 đường Hải Thượng Lãn Ông TP TH	3876053	
4	448100	BĐH Bá Thước	Khu phố 1Thị trấn Cảnh Nang	3690154	
5	444900	BĐ TX Bim Sơn	47 Nguyễn Huệ P- Ngọc Trạo	3620016	
6	447600	BĐH Cẩm Thủy	Tổ 2 Thị trấn Cẩm Thủy	3831058	
7	445200	BĐH Đông Sơn	Khối 4 Thị trấn Rừng Thông	3865101	
8	444400	BĐH Hà Trung	Tiểu khu 6 Thị trấn Hà Trung	3872873	
9	443100	BĐH Hậu Lộc	Khu 1 Thị trấn Hậu Lộc	3871500	
10	442200	BĐH Hoằng Hóa	Tiểu khu Vinh Sơn TT Bút Sơn	3848104	
11	443700	BĐH Nga Sơn	Tiểu khu Hưng Long TT Nga Sơn	3878101	
12	456100	BĐH Ngọc Lặc	Khu phố Lê Lai TT Ngọc Lặc	3839052	
13	454600	BĐH Như Thanh	Bến Sung 2 Thị trấn Bến Sung	3863030	

14	455100	BDH Như Xuân	Khu phố 2 Thị trấn Yên Cát	3821490	
15	453800	BDH Nông Cống	Tiểu khu Bắc giang TT Nông Cống	3655401	
16	455500	BDH Quảng Xương	Khu phố Tân phong TT Quảng xuong	3855134	
17	442000	TX Sầm Sơn	Đường Nguyễn Du P. Trường Sơn	3910040	
18	447000	BDH Thạch Thành	Khu phố 6 Thị trấn Kim Tân	3951216	
19	445600	BDH Thiệu Hóa	Tiểu khu 6 Thị trấn Vạn Hà	3842719	
20	449700	BDH Thọ Xuân	Khu 8 Thị trấn Thọ Xuân	3833246	
21	456400	BDH Tĩnh Gia	Khu phố 6 Thị trấn Tĩnh Gia	3970009	
22	448700	BDH Triệu Sơn	Khu phố Giắt Thị trấn Triệu Sơn	3867153	
23	446700	BDH Vĩnh Lộc	Khu phố 2 Thị trấn Vĩnh Lộc	3870135	
24	446200	BDH Yên Định	Tiểu khu 1 Thị trấn Quán Lào	3869257	
25	453400	BDH Thường Xuân	Khu phố 3 Thị trấn Thường Xuân	3553960	
26	442410	BC Nghĩa Trang	Xã Hoàng Trung - Hoàng Hóa	3866101	
27				3888666/3606800/3501	
	441230	Trung Tâm DVKH	33 Trần Phú Phường Điện Biên, TPThanh Hóa	933	

<b>27. NGHỆ AN : 000046</b>				<b>038</b>	<b>38</b>
1	460000	BC TT TP Vinh	Số 2 Ng. Thị minh Khai TP Vinh	3594214	
2	464900	Quỳnh Lưu	Thị trấn Cầu Giát, Quỳnh Lưu, Nghệ An	3864405	
3	462600	Nghi Lộc	TT Quán Hành Huyện Nghi Lộc	3861127	
4	463800	Diễn Châu	Thị trấn Huyện Diễn Châu, Nghệ An	3862001	
5	469000	Quý Hợp	TT Quý Hợp, huyện Quý Hợp, Nghệ An	3883101	
6	468400	Tân Kỳ	Xã Tân Kỳ (Thị trấn), Tân Kỳ, Nghệ An	3863101	
7	466200	Yên Thành	TT Yên Thành, Huyện Yên Thành, Nghệ An	3882101	
8	474300	Hưng Nguyên	TT Thái Lão, Hưng Nguyên, Nghệ An	3821199	
9	474900	Nam Đàn	Thị trấn Huyện Nam Đàn, Nghệ An	3822339	
10	475700	Thanh Chương	Thị trấn Dũng, Thanh Chương, Nghệ An	3823275	
11	471400	Đô Lương	Thị trấn Huyện Đô Lương, Nghệ An	3871970	
12	472400	Anh Sơn	Thị trấn Anh Sơn, Huyện Anh Sơn, Nghệ An	3872597	
13	471100	Quế Phong	TT Kim Sơn, Quế Phong, Nghệ An	3885292	
14	473000	Con Cuông	TT Con Cuông, Huyện Con Cuông, Nghệ An	3873101	
15	473300	Tương Dương	TT Hoà Bình, Tương Dương, Nghệ An	3874101	
16	473800	Kỳ Sơn	Xã Kỳ Sơn, Tân Kỳ, Nghệ An	3507607	
17	469700	Quý Châu	Thị trấn Tân Lạc, Quý Châu, Nghệ An	3884206	
18	462400	TX Cửa Lò	Đường Bình Minh Thị xã Cửa lò	3956335	
19	467400	Thái Hoà-Nghĩa Đàn	Xã Thái Hoà, Nghĩa Đàn, Nghệ An	3881288	
20	463990	Yên Lý	Xã Diễn Yên Diễn Châu	3463990	
21	464140	Cầu Bùng	Xã Diễn Kỳ Diễn Châu	3464140	
22	472770	Cây Chanh	Xóm 3 Đình Sơn Anh Sơn	3472770	
23	472720	Chợ Dừa	Xóm 11 Tường Sơn Anh Sơn	3472720	
24	472490	Lĩnh Sơn	Xóm 3 Lĩnh Sơn Anh Sơn	3472490	
25	463120	Nghi Mỹ	Xóm 10 Nghi Mỹ Nghi Lộc	3463120	
26	466320	Đô Thành	Xóm Kim Chi Đô ThànhYên Thành	3466320	
27	466470	Hậu Thành	Xóm Chợ Mới Xã Hậu Thành Yên Thành	3466470	
28	466610	Tây Thành	Xóm Trung Thành Xã Tây Thành Yên Thành	3466610	
29	466850	Vân Tụ	Xóm Cầu Thông Xã Liên Thành Yên Thành	3466850	
30	466990	Bảo Nham	Xóm trạm Xã Bảo Nham Yên Thành	3466990	
31	476270	Chợ Rộ	Xóm Trung Đức Xã Vô Liệt Thanh Chương	3476270	
32	476030	Hạnh Lâm	Đội 5 Xã Thanh Mỹ Thanh Chương	3476030	
33	476520	Chợ Kôn	Xóm 12 Xã Thanh Dương Thanh Chương	3476520	
34	465240	Hoàng Mai	Khối 1 Thị trấn Hoàng Mai Quỳnh Lưu	3465240	
35	465250	KCN Hoàng Mai	Khối 6 Thị Trấn Hoàng Mai Quỳnh Lưu	3465250	
36	465420	Chợ Tuần	Xóm 16 Quỳnh Châu Quỳnh Lưu	3465420	
37	465670	Chợ Ngò	Xóm 13 Sơn Hải Quỳnh Lưu	3465670	
38	465860	Quỳnh Lương	Xóm 2 Quỳnh Lương Quỳnh Lưu	3465860	

<b>28. HÀ TĨNH: 000048</b>				<b>12</b>	
1	480000	Hà Tĩnh	Số 06 Trần Phú TP Hà Tĩnh	3855423	
2	481900	Thạch Hà	Khối 10, Thị trấn Thạch Hà, Thạch Hà	8845377	

3	482900	Can Lộc	Khối 1B, Thị trấn Nghèn Can Lộc, Can Lộc	3841281-3841245	
4	483700	Hồng Lĩnh	Khối 4, P. Bắc Hồng, TX Hồng Lĩnh	3835414	
5	484400	Nghi Xuân	Khối 2, TT Nghi Xuân, Nghi Xuân	3825061	
6	484900	Đức Thọ	Xóm 4, Thị trấn Đức Thọ, Đức Thọ	3831479-3831101	
7	485600	Hương Sơn	Khối 3, Thị trấn Phố Châu, Hương Sơn	3875401	
8	486600	Vũ Quang	Khối 4, TT Vũ Quang, Vũ Quang	8314001	
9	486900	Hương Khê	Khối 8, Thị trấn Hương Khê, Hương Khê	3871211	
10	487600	Cẩm Xuyên	Khối 13, Thị trấn Cẩm Xuyên, Cẩm Xuyên	3845377-3861312	
11	488400	Kỳ Anh	Khu phố 1, Thị trấn Kỳ Anh, Kỳ Anh	3865335	
12	489100	Lộc Hà	Xóm Xuân Nghĩa, Xã Thạch Bằng, Lộc Hà	3651021	

**29. QUẢNG BÌNH : 000051** **052** **7**

1	510000	BD TX Đồng Hới	01 Trần Hưng Đạo	3 822532	
2	513600	BDH Quảng Ninh	TK 3 TT Quán hầu	3 872063	
3	513900	BDH Lệ Thủy	TT Kiến giang	3 882517	
4	511500	BDH Bố Trạch	TK 11 TT Hoàn Lão	3 863382	
5	512200	BDH Quảng Trạch	Khu phố 1 TT Ba đôn	3 512005	
6	512800	BDH Tuyên Hoá	TK 1 TT Đồng Lê	3 685306	
7	513200	BDH Minh Hoá	TK 7 TT Quy Đạt	3 572670	

**30. QUẢNG TRỊ : 000052** **053** **9**

1	520000	BD TP Đông Hà	20 Trần Hưng Đạo TX Đông Hà	3853406	
2	521400	BDH Gio Linh	Khu phố 5 Thị trấn Gio Linh	3825444	
3	521800	BDH Vĩnh Linh	đường Lê Duẩn, Thị trấn Hồ Xá,	3621511	
4	523300	BDH Triệu Phong	Tiểu khu 3 Thị trấn Ái Tử,	3828316	
5	523700	TX Quảng Trị	244 đường Trần Hưng Đạo	3861360	
6	523800	BDH Hải Lăng	đường Hùng Vương, Thị trấn Hải Lăng	3873286	
7	522300	BDH Cam Lộ	Khóm 2, Thị trấn Cam Lộ	3871543	
8	523000	BDH Đakrông	Thôn 41, Thị trấn KrôngKlang	3886299	
9	522600	BDH Hướng Hoá	Khóm 3A, Thị trấn Khe Sanh,	3880908	

**31. THỪA THIÊN - HUẾ :** **054** **14**

1	530000	GD TT TPhố Huế	Số 8 Hoàng Hoa Thám	3823496	
2	531600	BC Trần Hưng Đạo	91 Trần Hưng Đạo	3531927	
3	535300	GD Hương Trà	Thị trấn Tứ Hạ, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	3558762	
4	534900	GD Phong Điền	TT Phong Điền, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	3551210	
5	534600	GD Quảng Điền	Thị trấn Sịa, Quảng Điền, Thừa Thi ên Huế	3554232	
6	536100	GD Hương Thủy	Thị trấn Phú Bài, Hương Thủy, TT Huế	3861210	
7	536700	GD Phú Vang	Xã Phú Đa huyện Phú Vang	3868348	
8	537100	GD Phú Lộc	Thị trấn Phú Lộc, Phú lộc, Thừa Thiên Huế	3871279	
9	536400	GD Nam Đông	Thị trấn Khe Tre, Nam Đông, TT Huế	3875312	
10	535700	GD A Lưới	TT A Lưới, huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế	3878933	
11	531950	Huế Thành	27 Mai Thúc Loan Thuận Thành TP Huế	3523110	
12	532350	Tây Lộc	136 Hoàng Diệu Tây Lộc TP Huế	3523113	
13	536810	Trung Đông	Xã Trung Đông Huyện Phú Vang TT Huế	3860501	
14	537150	Tur Hiền	Xã Vinh Hiền Huyện Phú Lộc TT Huế	3874721	

**32. ĐÀ NẴNG : 000055** **0511** **27**

1	551000	BC Đà Nẵng 1	01 Lê Duẩn	3849053	
2	551020	BC Sông Hàn	64 Bạch Đằng	3849054	
3	555110	BC Thanh Khê	251 Nguyễn Văn Linh	3656746	
4	555210	BC Đồ Quàng	66c Đồ Quàng	3692533	
5	551060	BC Đống Đa	40 Lê Lợi	3898515	
6	551790	TTThương Nghiệp	Kiốt 01 Trung Tâm Thương nghiệp	3689636	
7	555200	BC Nguyễn Văn Linh	170 Nguyễn Văn Linh	3692532	
8	551580	BC Ông ích Khiêm	48 Ông ích Khiêm	3531964	
9	551050	BC Hùng Vương	80 Hùng Vương	3849038	
10	551300	Quang Trung	96 Quang Trung	3898216	
11	551780	BC Ngô Gia Tự	58 Ngô Gia Tự	3868349	

12	553000	BC Hoà Cường	305 Núi Thành	3620085	
13	550900	BC Hệ 1	75 Trần Phú	3828547	
14	555700	BC Đà Nẵng 2	138 Nguyễn Lương Bằng	3730705	
15	554840	BC Xuân Hoà	416 Điện Biên Phủ	3721964	
16	555950	BC Hoà Mỹ	390 Tôn Đức Thắng	3764066	
17	554960	BC An Khê	237 Trường Chinh	3722321	
18	553300	BC Đà Nẵng 3	04 Trần Quang Diệu	3831183	
19	553690	BC Thọ Quang	01 Ngô Quyền	3921488	
20	553570	BC Mân Thái	238 Ngô Quyền	3911108	
21	553920	BC Ngô Quyền	540 Ngô Quyền	3932636	
22	556920	BC Ngũ Hành Sơn	376 Ngũ Hành Sơn	3950666	
23	556810	BC Sơn Thủy	676 Lê Văn Hiến	3969767	
24	557400	BC Đà Nẵng 4	296 Cách mạng tháng tám- Quận cẩm Lệ	3673230	
25	556630	BC Tuý Loan	Xã Hoà Phong Huyện Hoà Vang	3782444	
26	556290	Nam Ô	27,Nguyễn Văn Cừ, P. Hoà Hiệp Bắc, Liên Chiểu, Đà Nẵng	3772658	
27	551290	Đông Đa B	40, Lê Lợi, Phường Thạch Thang, Hải Châu, Đà N	3898215	

<b>33. QUẢNG NAM : 000056</b>				<b>0510</b>	<b>16</b>
-------------------------------	--	--	--	-------------	-----------

1	564700	BDH Đại Lộc	Thị trấn Ái Nghĩa huyện Đại Lộc Quảng Nam	3865101	
2	564200	BDH Điện Bàn	Thị trấn Vĩnh điện huyện Điện Bàn	3867436	
3	562700	BDH Duy Xuyên	Thị trấn Nam Phước huyện Duy Xuyên	3877251	
4	563800	BD TP Hội An	06 Trần Hưng Đạo Phường Minh An	3862888	
5	566200	BDH Phú Ninh	Chiên Đàn Tam An Phú Ninh	3890995	
6	563400	BDH Hiệp Đức	Thị trấn Tân An Hiệp Đức	3883345	
7	562300	BDH Núi Thành	Khối 2 Thị trấn Núi Thành	3871227	
8	562000	BDH Tiên Phước	Thị trấn Tiên Kỳ, Tiên Phước	3884223	
9	565100	BDH Phước Sơn	Thị trấn Khâm Đức Phước Sơn	3881298	
10	561600	BDH Thăng Bình	Thị trấn Hà Lam Thăng Bình	3874265	
11	561000	BD TP Tam Kỳ	18 Trần Cao Vân TP Tam Kỳ	3858578	
12	561210	BC An Xuân	02 Phan Bội Châu TP. Tam Kỳ	3810284	
13	566000	BDH Nam Giang	Thị trấn Thành Mỹ, Nam Giang	3840356	
14	563600	BDH Bắc Trà My	Thị trấn Trà My , Bắc Trà My	3882336	
15	565500	BDH Đông Giang	Thị trấn Prao, Đông Giang	3898777	
16	563000	BDH Quế Sơn	Thị trấn Đông Phú, Quế Sơn	3885384	

<b>34. QUẢNG NGÃI : 000057</b>				<b>055</b>	<b>19</b>
--------------------------------	--	--	--	------------	-----------

1	570000	TX Quảng Ngãi	80 Phan đình Phùng, TP Quảng Ngãi	3822930	
2	571020	Quang Trung	70 Quang Trung, TP Quảng Ngãi	3815593	
3	573500	Đức Phổ	Khối 5 thị trấn Đức Phổ	3859200	
4	573660	Sa Huỳnh	Thôn Thạch Bi, xã Phổ Thạnh	3860315	
5	573800	Mộ Đức	Khối 1 thị trấn Mộ Đức	3857272	
6	573950	Thạch Trụ	Thạch Trụ, xã Đức Lân	3855777	
7	574000	Tư Nghĩa	Khối 3, thị trấn La Hà	3845575	
8	574170	Sông Vệ	TT Sông Vệ, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	3848311	
9	571500	Sơn Tịnh	TT Sơn Tịnh, Huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	3842148	
10	571560	Sơn Mỹ	Thôn Mỹ Lại, xã Tịnh Khê	3843234	
11	571800	Bình Sơn	Khu vực 2 thị trấn Châu ô.	3851223	
12	572900	Nghĩa Hành	Thị trấn Chợ Chùa.	3861210	
13	573200	Ba Tơ	Thị trấn Ba Tơ	3863213	
14	572600	Sơn Hà	Thị trấn Di Lăng	3864238	
15	572200	Trà Bồng	Thị trấn Trà Xuân	3865251	
16	573100	Minh Long	Thôn 2, Long Hiệp	3866250	
17	572800	Sơn Tây	Xã Sơn Dung	3868205	
18	571400	Lý Sơn	Thôn Đông, An Vĩnh	3867151	
19	572400	Tây Trà	Xã Trà Phong	3870001	

<b>35. KON TUM : 000058</b>				<b>060</b>	<b>8</b>
-----------------------------	--	--	--	------------	----------

1	580000	Bru cục Kon Tum	205 Lê Hồng Phong, TX Kon Tum	3862361	
---	--------	-----------------	-------------------------------	---------	--

2	582200	Bru cục Đăk Hà	Khối phố 7, T.Trần Đăk Hà,	3822143	
3	582500	Bru cục Đăk Tô	Khối phố 4, 07 Hùng Vương,	3831300	
4	583000	Bru cục Ngọc Hồi	35 Hùng Vương,	3832241	
5	583200	Bru cục Đăk Glei	Thôn 16/5, T.trần Đăk Glei,	3834111	
6	583500	Bru cục Sa Thầy	Thôn 1, Thị trấn Sa Thầy,	3821484	
7	581800	Bru cục Kon Rẫy	Thôn 2, Thị trấn Đăk Rve	3824110	
8	582000	Bru cục Kon Plông	Thị trấn Kon Plông,	3848233	

**36. BÌNH ĐỊNH : 000059**
**056**
**27**

1	590000	Quy Nhơn	197 Phan Bội Châu, P. Trần Hưng Đạo	3828111	
2	591000	BĐ Hệ 1	127 Đường Hai Bà Trưng, P. Trần Phú	3821516	
3	591310	An Dương Vương	2 Đường Trần Thị Kỳ, P. Lý Thường Kiệt	3525170	
4	591340	Quang Trung	Đường Tây Sơn, P. Quang Trung	3647203	
5	591390	Trần Quang Diệu	Khu Vực 6, P. Trần Quang Diệu	3541238	
6	593800	An Lão	Thôn 9, Xã An Trung	3875320	
7	593880	Xuân Phong	Thôn Xuân Phong Tây, Xã An Hoà	3878512	
8	592000	An Nhơn	191 Khối Phố Trần Phú, Thị Trấn Bình Định	3835285	
9	592100	Đập Đá	Khu Vực Đông Phương Danh, TT Đập Đá	3739873	
10	593600	Hoài Ân	Thôn Gia Chiểu 1, Thị Trấn Tăng Bạt Hổ	3870313	
11	593630	Mỹ Thành	Thôn Mỹ Thành, Xã Ân Mỹ	3874557	
12	593200	Hoài Nhơn	Khối Phụ Đức, Thị Trấn Bồng Sơn	3861718	
13	593330	Tam Quan	Khối 5, Thị Trấn Tam Quan	3765671	
14	592400	Phù Cát	Khu An Khương, Thị Trấn Ngô Mỹ	3550277	
15	592560	Chợ Gôm	Thôn Vinh Trường, Xã Cát Hanh	3852688	
16	592800	Phù Mỹ	Thôn Trà Quang Nam, Thị Trấn Phù Mỹ	3855313	
17	593100	Bình Dương	Thôn Dương Liễu Đông, TT Bình Dương	3858330	
18	594200	Tây Sơn	Khối 5, Thị Trấn Phú Phong	3880112	
19	594300	Đông Phó	Thôn Thượng Giang, Xã Tây Giang	3884848	
20	591700	Tuy Phước	Thôn Trung Tín 1, Thị Trấn Tuy Phước	3634634	
21	591900	Điều Trì	Thôn Văn Hội 1, Thị Trấn Điều Trì	3833310	
22	594500	Vân Canh	Thôn Thịnh Văn 2, Thị trấn Vân Canh	3888316	
23	594000	Vinh Thạnh	Thôn Định Tổ, Thị trấn Vinh Thạnh	3886345	
24	591460	Phú Tài	Khu Vực 2, Phường Bùi Thị Xuân, Quy Nhơn, Bìn	3541234	

**37. GIA LAI : 000060**
**059**
**16**

1	600000	PLEIKU	69 Hùng Vương Pleiku Gia Lai	3824015	
2	604700	CHƯ SÊ	723 Hùng Vương – Chư sê	3851102	
3	606900	PHÚ THIỆN	Khối Phố 1 Phú Thiện	3882345	
4	606600	IAPA	Trung Tâm Huyện - Ia Pa	3655009	
5	605300	AYUNPA	198 Lê Hồng Phóng - Ayun Pa	3852452	
6	606000	KRÔNGPA	08 Trần Hưng Đạo Krông Pa	3853156	
7	601700	ĐẮK ĐOÀ	168 Nguyễn Huệ Đăk Đoa	3831107	
8	602100	MANG YANG	Thị Trấn Kon Đông – Mang Yang	3839001	
9	606400	ĐẮK PƠ	Thôn 2 Đăk pơ	3838287	
10	602400	AN KHÊ	583 Quang Trung – An Khê	3533665	
11	602600	KBANG	40 Trần Hưng Đạo – Kbang	3880177	
12	605700	KÔNGCHRO	215 Nguyễn Huệ – Kông Chro	3835343	
13	603230	CHƯ PĂH	Thị Trấn Phú Hoà – Chư Păh	3845999	
14	603400	IAGRAI	Thị Trấn Ia Grai	3844302	
15	604200	CHƯ PRÔNG	Thị Trấn Chư Prông	3843000	
16	603800	ĐỨC CỜ	183 Quang Trung Đức Cờ	3846202	

**38. PHÚ YÊN : 000062**
**057**
**12**

1	620000	TP Tuy Hòa	206A Trần Hưng Đạo, TP Tuy Hòa, Phú Yên	3819696	
2	621000	Tuy Hoà Huyện	271 Nguyễn Văn Linh, Phú Lâm, TP Tuy Hòa	3851308	
3	623210	Phú Thứ	Phú Thứ, Hoà Bình 2, Tây Hòa, Phú Yên	3578204	
4	623040	Đông Mỹ	Đông Mỹ, Hoà Vinh, Đông Hòa, Phú Yên	3531104	
5	621600	Tuy An	40 Lê Thành Phương, TT Chí Thạnh, Tuy An,	3865657	
6	621800	Hòa Đa	Hòa Đa, An Mỹ, Tuy An, Phú Yên	3789150	

7	621900	Sông Cầu	Long Hải Nam, thị trấn Sông Cầu, Phú Yên	3875007	
8	622400	Sơn Hòa	02 Trần Phú, thị trấn Củng Sơn, Sơn Hòa,	3861399	
9	622700	Sông Hình	71 Trần Hưng Đạo, TT Hai Riêng, Sông Hình,	3858148	
10	622200	Đồng Xuân	Thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân, Phú Yên	3872148	
11	623400	Phú Hòa	Thôn Định Thái, xã Hòa Định Đông, Phú Hòa	3887588	
12	623440	Hòa Thắng	Thôn Phong Niên, Xã Hòa Thắng, Phú Hòa	3887377	

<b>39. ĐẮK LẮK : 000063</b>			<b>050</b>	<b>23</b>	
1	630000	TTGDBH BMT	Số 1 Nơ Trang Long Buôn Ma Thuột	3852612	
2	633400	EaKar	146 Nguyễn Tất Thành	3625005	
3	636300	EaSup	103 Hùng Vương	3688499	
4	634300	Cumgar	130 Hùng Vương	3834705	
5	636600	Krông na	Khối 1 TT Buôn Trấp	3637123	
6	635600	EaHleo	505 Giải Phóng TT EA dang	3777359	
7	637000	Krông Bông	Tổ dân phố 3 TT Kroong Kma	3732204	
8	637400	Huyen Lăk	Thôn 2 TT Liên Sơn	3586254	
9	636000	Buôn Đôn	Thôn 15 Xã Tân Hòa Buôn Đôn	3789466	
10	635200	Krông năg	Khối 2 TT Krong năg	3675116	
11	632700	Krông Pắc	502 Giải Phóng TT Phước an	3522347	
12	634700	Krông Buk	156 Hùng Vương TT Buôn Hồ	3872102	
13	631080	TT PT DV-BMT	Số 1 Nơ Trang Long Buôn Ma Thuột	3840577	
14	633900	MĐrăk	51 Nguyễn Tất Thành	3731236	
15	634740	Pong Drang	Chợ Pong Drang, Xã Pong Drang, Huyện Krông B	3874222	
16	633000	EaQuang	Km38 QL26, Xã EaPhê, Huyện Krông pắc	3523374	
17	633460	EaKnốp	Khối 1, Thị trấn Eaknốp, Huyện Eakar	3829002	
18	631450	Hòa Thuận	73 QLô 14, Thôn 5 Hòa Thuận, TP Buôn Ma Thuột	3863132	
19	631300	KM5	572 Nguyễn văn cừ, Phường tân lân lập, TP Buôn	3865319	
20	631100	Phan Bội Châu	286 Phan Bội Châu, Phường Thành công, TP Buôn	3819805	
21	632210	Hoà Khánh	356A Nguyễn thị định, Phường khánh xuân, TP Bu	3868530	
22	632330	Hòa Phú	Km 14 Thôn 3 Xã Hòa Phú, , TP Buôn Ma Thuột	3686159	
23	632090	EaTam	554 Lê Duẩn, Phường EaTam, TP Buôn Ma Thuột	3859566	

<b>40. ĐẮC NÔNG : 000064</b>			<b>0501</b>	<b>8</b>	
1	640000	BĐ TT Đăk Nông	Tổ 1, Đường Trần Hưng Đạo TX Gia Nghĩa	3546111	
2	641300	BĐH Đăk Rlấp	Số 06 Nguyễn Tất Thành TT Kiến Đức	3648787	
3	643000	BĐH Tuy Đức	Thôn 3 xã Đăk Buk So, huyện Tuy Đức	3646656	
4	641600	BĐH Đăk Song	Tổ 2 Thị trấn Đức An huyện Đăk Song	3710154	
5	641800	BĐH Đăk Mil	số 04 Nguyễn Tất Thành, khối 1 TT Đăk Mil	3741876	
6	642100	BĐH Krông Nô	Tổ dân phố 4 TT Đăk Mâm huyện Krông Nô	3584887	
7	642700	BĐH Đăk Glong	Thôn 4a xã Quảng Khê huyện Đăk Glong	3540425	
8	642400	BĐH Cư Jút	Khối 4, Thị trấn EaTinh huyện Cư Jút	3882239	

<b>41. KHÁNH HÒA 000065</b>			<b>058</b>	<b>31</b>	
1	650000	GDTT Nha Trang	01 Pasteur - Nha Trang	3828616	
2	651190	BC Đồng Đế	Đường 2/4 Vĩnh Hải TP Nha Trang	3831461	
3	652070	BC Lê Thánh Tôn	50 Lê Thánh Tôn Nha Trang	3523907	
4	652510	BC Bình Tân	Đường số 2 Kho Càng Bình Tân Nha Trang	3881724	
5	654000	Khánh Vĩnh	Số 9 đường 2/8 Thị trấn Khánh Vĩnh	3790225	
6	654200	BC Khánh Sơn	Đường Lê Duẩn Thị trấn Tô Hạp Khánh Sơn	3869201	
7	653700	BC Diên Khánh	Số 91 Lý Tự Trọng - Diên Khánh	3850206	
8	653720	BC Ngã Ba Thành	Ngã Ba Cái Lộ Tuyên - Diên Khánh	3850333	
9	653800	BC Diên Phước	Phố Thiện Diên Phước - Diên Khánh	3780100	
10	652900	BĐH Ninh Hòa	450 Trần Quý Cáp Thị trấn Ninh Hòa	3846836	
11	652970	BC3- Hòn Khói	Phú Thọ 2 - Ninh Diêm - Ninh Hòa	3849200	
12	653500	BĐH Vạn Ninh	186 Hùng Vương Thị trấn Vạn Giã Vạn Ninh	3810301	
13	653550	BC3- Tu Bông	Long Hòa Vạn Long Vạn Ninh	3843171	
14	654400	BĐ TX Cam Ranh	Số 01 Nguyễn Trọng Ki Cam Lợi Cam Ranh	3854443	
15	654530	BC3- Mỹ Ca	Khóm Mỹ Ca - Cam Nghĩa Nam Cam Ranh	3857378	

16	655200	BĐ Cam Lâm	Thị trấn Cam Đức - Cam Lâm	3980633	
17	652550	Đường Đệ	Đường Nam Hòn khô	3550013	
18	652220	Tân Lập	83 Ngõ Gia Tự	3510126	
19	652080	Nguyễn Thiện Thuật	46 Nguyễn Thiện Thuật	3526546	
20	651270	Vạn Thạnh	12 Trần Quý Cáp	3824203	
21	654510	Cam Phúc	Hoà Do 3 phường Cam Phúc Bắc	3587201	
22	654490	Cam Phú	Khóm Phú Thịnh Phường Cam Phú	3861144	
23	654516	Cam Phúc Nam	Khóm Phúc Thủy Phường Cam Phúc Nam	3862092	
24	654680	Cam Phước Đông	Thôn Thống Nhất Xã Cam Phước Đông	3997022	
25	654700	Mỹ Thanh	Thôn Mỹ Thanh Xã Cam Thịnh Đông	3865208	
26	653570	Đại Lãnh	Thôn Đông Đại Lãnh	3842518	
27	653641	Xuân Tự	Xuân Tự Vạn Hưng	3612004	
28	655211	Cam An Nam	Thôn Vĩnh Trung, Cam An Nam	3864002	
29	655350	Suối Tân	Thôn đồng Cau, Suối Tân	3743743	
30	653190	Dục Mỹ	Tân Khánh, Ninh Sim, Ninh Hoà	3848048	
31	653050	Lạc An	Ninh ích, Ninh An Ninh Hoà	3621162	

<b>42. NINH THUẬN : 000066</b>				<b>068</b>	<b>6</b>
--------------------------------	--	--	--	------------	----------

1	660000	Phan Rang Tháp Chàm	217 Thống Nhất Phan Rang Tháp Chàm	3824430	
2	662600	Ninh Hải	Khu phố Khánh Sơn, thị trấn Khánh Hải	3873315	
3	663300	Ninh Phước	Khu phố 4, thị trấn Phước Dân, Ninh Phước	3864616	
4	663100	Ninh Sơn	Khu 3, thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn	3854250	
5	662900	Bác Ái	Thôn Tà Lú 1, xã Phước Đại, huyện Bác Ái	3840007	
6	663700	Thuận Bắc	Thôn Ân Đạt, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc	3625000	

<b>43. LÂM ĐỒNG : 000067</b>				<b>063</b>	<b>37</b>
------------------------------	--	--	--	------------	-----------

1	670000	BĐ TP Đà Lạt	02 Lê Đại Hành Đà Lạt	3822586	
2	672700	BC Lạc Dương	Thôn Đankia Thị trấn Lạc Dương Đà Lạt	3633900	
3	674700	BĐH Bảo Lộc	103 Lê Hồng Phong P1 Bảo Lộc	3864279	
4	675800	BĐH ĐaHuoi	Khu 3 Thị trấn Ma Đa Gui Đa Huoi	3874360	
5	673700	BĐH Di Linh	Khu ũ Thị trấn Di Linh H.Di Linh	3870012	
6	674300	BĐ Bảo Lâm	TT Lộc Thắng, Bảo Lâm, Lâm Đồng	3877037	
7	673300	BĐ Đức Trọng	689 QL20 Liên Nghĩa Đức Trọng	3843775	
8	672500	BĐ Đơn Dương	2 Khu Nghĩa Thị, TTT Thanh Mỹ Đơn Dương	3847021	
9	672800	BĐ Lâm Hà	KP3 Thị trấn Đình Văn Lâm Hà	3.850313	
10	676000	BĐ Đạm Rông	THôn Đa Nhim 2 X.Đạ Tông Đạm Rông	3616000	
11	675200	BĐH ĐaTeh	131 đường 3 tháng 2 Đạ Tèh	3880311	
12	675500	BĐH Cát Tiên	Khu 8 Thị trấn Đồng Nai Cát Tiên	3884083	
13	671250	BC Trại Mát	127 Phường 11, Thành Phố Đà Lạt	3814719	
14	672150	BC Cầu Đất	Thôn XuânTrường 2 Xã Xuân Trường Đà Lạt	3838664	
15	671300	BC Phan Chu Trinh	A18 Phan Chu Trinh P9 Đà Lạt	3820049	
16	671460	BC Bùi Thị Xuân	60 Bùi Thị Xuân P8 Đà Lạt	3829027	
17	671640	Phan Đình Phùng	178 Phan Đình Phùng P2 Đà Lạt	3822611	
18	671310	Mê Linh	2D/4 Mê Linh P9 Đà Lạt	3825325	
19	671440	Thái Phiên	Thái Phiên P12 Đà Lạt	3585527	
20	671040	Trần Phú	14 Trần Phú Đà Lạt	3532728	
21	674750	Lộc Phát	445 Nguyễn Văn Cừ P.Lộc Phát Bảo Lộc	3861350	
22	675000	Lộc Châu	Thôn 3 Xã LộcXã Châu Bảo Lộc	3860666	
23	674790	Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Công Trứ P2 Bảo Lộc	3866565	
24	675090	Lộc Nga	THôn Đại Nga X.Lộc Nga Bảo Lộc	3869002	
25	674900	Lộc Tiến	KP5 P.Lộc Tiến Bảo Lộc	3868068	
26	674400	Lộc An	Thôn 3 X.Lộc An Huyện Bảo Lâm	3879020	
27	673960	Hòa Ninh	Thôn 2 Xã Hoà Ninh H.Di Linh	3873555	
28	673480	Ninh Gia	Thôn Đại Ninh X.Ninh Gia Đức Trọng	3846555	
29	673350	Phi Nôm	Thôn Hiệp X.Hiệp Thạnh Đức Trọng	3657338	
30	673420	Tân Hội	THôn Tân Lập, X.Tân Hội Đức Trọng	3845000	
31	673310	Liên Khương	Khu 6 thị trấn liên nghĩa Đức Trọng	3842520	

32	672550	Dran	16 Lê Lợi, Lạc Lâm Đơn Dương	3849003	
33	672570	Lạc Lâm	Thôn Yên Khê Hạ, X.Lạc Lâm Đơn Dương	3630036	
34	672890	Nam Ban	Thị trấn Nam Ban Lâm Hà	3852420	
35	673090	Tân Hà	Thôn Liên Trung X.Tân Hà Lâm Hà	3854100	
36	676110	Đạ Rsal	THôn 6 X.Đạ Rsal Đam Rông	3859117	
37	671540	Bưu cục Chợ	Nguyễn Thị Minh Khai P1 Đà Lạt	3829377	

<b>44. TP HỒ CHÍ MINH : 000070</b>				<b>08</b>	<b>171</b>
------------------------------------	--	--	--	-----------	------------

1	700000	TT Sài Gòn	số 2 Công xã Pari	38271208	
2	722000	BD Quận 3	2 BHTQuan quận 3	39302418	
3	749000	BD Quận 5	26 Nguyễn Thị P13 Q5	38551763	
4	751500	BD Quận 8	428 Tùng Thiện Vương	39515278	
5	740500	BD Quận 10	157 Lý Thái Tổ P9 quận 10	39270072	
6	721400	BD Thủ đức	128A Kha vạn cân TĐ	38968703	
7	731000	BD Hóc Môn	57/7 Lý Nam đế	37103666	
8	717066	BD Bình Thạnh	3 Phan đăng Luru P3	38410646	
9	736090	BD Tân Bình	288A Hoàng Văn Thụ P4	38440544	
10	733000	BD Củ Chi	Khu phố 2 TT Củ chi	38920519	
11	722300	Nguyễn Văn Trỗi	222 Bis Lê Văn Sỹ , P14, Q3	39311810	
12	710000	Nguyễn Đình Chiểu	11 Nguyễn Đình Chiểu , P. Đa Kao,Q1	38230034	
13	710880	Tân Định	230 Hai Bà Trưng, P. Tân Định, Q1	38295879	
14	710400	Trần Hưng Đạo	447B Trần Hưng Đạo, P.Cầu Kho,Q1	38365440	
15	710200	Quận 1	67 Lê Lợi, P. Bến Nghé, Q1	38214350	
16	754100	Khánh Hội	52 Lê Quốc Hưng, P.12, Q4	38266590	
17	754000	Quận 4	104 Nguyễn Tất Thành,, P.13, Q4	38264070	
18	722100	Vườn Xòai	472 Lê Văn Sỹ, P.14, Q3	38468741	
19	740030	Phú Thọ	270Bis Lý Thường Kiệt , P.14, Q10	3865054	
20	752800	Chánh Hưng	Chợ Phạm Thế Hiển, P.4, Q8	38505359	
21	740100	Ngô Quyền	237 Ngô Quyền , P.6. Q10	38532120	
22	743800	Quận 11	244 Minh Phụng, P.16, Q11	39693983	
23	743000	Lữ Gia	2/12 Cư Xá Lữ Gia, P.15, Q11	38645689	
24	747400	Quận 6	88-89 Tháp Mười,, P.2, Q6	39601227	
25	740200	Hòa Hưng	411 CMT8, P.13, Q10	38631278	
26	727010	Gò Vấp	555 Lê Quang Định, P.1, Q. Gò Vấp	38956013	
27	760000	Tân Phú	90B Nguyễn Sơn, P Phú Thọ Hòa, Q. Tân Phú	38648419	
28	725060	Phú Nhuận	241 Phan Đình Phùng, P. 15, Q. Phú Nhuận	38444721	
29	713100	An Khánh	333 Lương Đình Của, P. Bình An, Q.2	37405018	
30	720100	Bình Thợ	378 Võ Văn Ngân, P. Bình Thợ, Q. Thủ Đức	37222110	
31	720700	Tam Bình	705 Khu phố 4, P.Tam Bình, Q.Thủ Đức	37294285	
32	720500	Linh Xuân	10A Khu phố 4, P. Linh Xuân, Q. Thủ Đức	38975168	
33	716040	Phước Bình	45 Đại lộ 2, P. Phước Bình, Q.9	37281646	
34	720300	Bình Triệu	178 Quốc lộ 13, P.Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức	37262566	
35	732110	Trung Chánh	159/6B Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Bình Chánh 2, Trung Chánh, H.Môn	38839554	
36	729700	Ngã Tư Ga	Đường Hà Huy Giáp, Khu phố 3, P. Thạnh Lộc, Q	37163627	
37	729400	Tân Thới Hiệp	Hiệp, Q.12	37174920	
38	729100	Bàu Nai	90/5 Khu phố 7 , P.Đông Hưng Thuận, Q.12	38832709	
39	731100	Ngã Ba Bầu	26 Tô Ký, Ấp Đông, Xã Thới Tam Thôn, huyện H	38839556	
40	731200	Đông Thạnh	Ấp 7, x Đông Thạnh, huyện Hóc Môn	37112627	
41	731910	An Sương	Quốc lộ 22, Đông Lân, Xã Bà Điểm, huyện Hóc M	38831123	
42	731900	Bà Điểm	12/4 Trung Lân, Xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn	37128368	
43	731500	Tân Thới Nhi	1/27 Ấp Nhị Tân, Xã Tân Thới Nhi, huyện Hóc M	37131489	
44	729430	Hiệp Thành	319 Nguyễn Ảnh Thủ, P. Hiệp Thành, Q.12	37174921	
45	729930	Tân Thới Nhất	44/6 Phan Văn Hớn, P. Tn Thới Nhất, Q12	38832710	
46	729110	Quang Trung	90/5 đường Tô Ký,P. Đông Hưng Thuận, Q.12	37159504	

47	756100	Nhà Bè	Số 81/1C, Khu phố 1, P. Phú Mỹ, Q7	37852456	
48	756000	Tân Thuận	KE 42-43 Huỳnh Tấn Phát, P. Tân Thuận Tây, Q7	38728274	
49	756110	Phú Mỹ	697 Huỳnh Tấn Phát, P. Phú Thuận, Q7	38733982	
50	756700	Tân Quy Đông	44 Đường 15, P. Tân Quy, Q7	37712888	
51	756600	Tân Phong	382/8A Nguyễn Thị Thập, P. Tân Phong, Q7	37713222	
52	756200	Tân Thuận Đông	Khu chế xuất Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q7	37701701	
53	756240	Bùi Văn Ba	49 Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận Đông, Q7	38722123	
54	758600	Phú Xuân	22/8 Huỳnh Tấn Phát, Xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè	37827827	
55	758000	TT Nhà Bè	462 Huỳnh Tấn Phát KP.4, Thị trấn Nhà Bè,	38738212	
56	758500	Hiệp Phước	376/5 Nguyễn Văn Tạo ấp 1, Xã Hiệp Phước,	38734734	
57	758310	Long Thới	ấp 1, Xã Nhơn Đức, Nhà Bè	37800668	
58	758100	Phước Kiển	96A Lê Văn Lương, Xã Phước Kiển, Nhà Bè	37815815	
59	738000	TT Bình Chánh	E 9/37 Nguyễn Hữu Trí, Xã Tân Túc, huyện	38776688	
60	763700	An Lạc	164 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân	37560120	
61	763710	Mũi Tàu	98 An Dương Vương, P. An Lạc A, Q. Bình Tân	37513123	
62	763200	Bà Hom	Trần Thanh Mại, KP 3, P. Tân Tạo A, Q. Bình	37541444	
63	738100	Vĩnh Lộc	Lê Trọng Tấn, Ấp 4, Vĩnh Lộc B, huyện Bình	37650333	
64	763100	Hồ Học Lãm	E 2/9 Hồ Học Lãm, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình	37520445	
65	713000	BC An Điền	793 Xa Lộ Hà Nội, An Điền, Quận 2	37406381	
66	721000	BC Bình Chiểu	Tỉnh lộ 13, P. Bình Chiểu, Q. TĐ	37294289	
67	713200	BC Bình Trưng	155 Nguyễn Duy Trinh, P. Bình Trưng Tây Q2	37436076	
68	714100	BC Cát Lái	Chùa Ông, P. Cát Lái, Q.2	37423322	
69	713110	BC Tân Lập	661 Ng Duy Trinh, P. Bình Trưng Đông, Q2	37437178	
70	715000	BC Cây Dâu	Đường 400, Giãn Dân, P. Tân Phú, Q.9	37251844	
71	715540	BC Long Bình	Nguyễn Xiển, Bến Đò, P. Long Bình, Q.9	37326418	
72	759110	BC Long Hòa	Đường Nguyễn Văn Trãi, ấp Long Thạnh xã Long Hòa CG	38743222	
73	715100	BC Chợ Nhỏ	Man Thiện, KP 5, P. Hiệp Phú, Q.9	37360517	
74	720400	BC Linh Trung	16 KP 4, P. Linh Trung, Q. TĐ	37245116	
75	720600	BC Khiết Tâm	60 Trường Sơn, KP 4, P. Bình Chiểu, Q. TĐ	37294286	
76	715300	BC Phước Long	62 Nam Hòa, P. Phước Long A, Q.9	37241687	
77	720200	BC Hiệp Bình Phước	604 Quốc lộ 13, P. Hiệp Bình Phước, Q. TĐ	37271937	
78	733010	BC Thị Trấn Củ Chi	Khu phố 8, thị trấn Củ Chi	37907855	
79	733600	BC Phạm Văn Cội	Ấp 3, xã Phạm Văn Cội	37949815	
80	733530	BC Phú Hòa Đông	Ấp Phú Lợi, xã Phú Hòa Đông	35845700	
81	733800	BC An Nhơn Tây	Ấp Chợ Cũ, xã An Nhơn Tây	37946315	
82	733900	BC An Phú	Ấp An Hòa, xã An Phú	37941100	
83	734300	BC Phước Thạnh	Ấp Chợ, xã Phước Thạnh	38929385	
84	734200	BC Trung Lập	Ấp Trung Bình, xã Trung Lập Thượng	38926644	
85	734900	BC Tân Trung	Ấp 12, xã Tân Thạnh Đông	37954600	
86	735000	BC Bình Mỹ	Ấp 2, xã Bình Mỹ	37975180	

87	734800	BC Tân Phú Trung	Ấp Đình, xã Tân Phú Trung	38922313	
88	759000	GDTT Cần Giò	Đường Lương văn Nho TT Cần Thạnh CG	38740233	
89	759600	BC Bình Khánh	Đường Rừng Sát ấp Bình Phước xã Bình Khánh CG	38742952	
90	738800	BC Chợ Bình Chánh	1C ấp 4, Quốc lộ 1A xã Bình Chánh, BC	38758453	
91	738010	BC Chợ Đệm	Ấp 1, Nguyễn Hữu Trí Tân Túc, BC	38733982	
92	739100	Ghi sê 2 Chợ Bình Chánh	Hương lộ 11, ấp 3, xã Bình Chánh, BC	37691012	
93	738300	BC Lê Minh Xuân	Tinh lộ 10, ấp 6, Lê Minh Xuân, BC	37660318	
94	738400	BC Cầu Xáng	Đường An Hạ, ấp 3 Phạm Văn Hai, BC	38772040	
95	738600	BC Láng Le	A6/177B Trần Đại Nghĩa Tân Nhựt, BC	37662144	
96	763300	BC Tân Tạo	Khu dân cư Đặc Khu Lương Đức Tân Tạo A, Q Bình Tân	38761881	
97	763310	BC Tân Kiên	A1/7 Trần Đại Nghĩa Tân Tạo A, Q Bình Tân	37560096	
98	739500	BC Bình Hưng	Lô 38, Đường số 10 KDC ấp 4 Bình Hưng, BC	37582775	
99	739400	BC Phong Phú	Trịnh Quang Nghị ấp 4, xã Phong Phú BC	38757111	
100	739210	BC Quy Đức	7/31 Quốc lộ 50 xã Quy Đức BC	37790505	
101	762000	BC Bình Hưng Hòa	1020 Tân Kỳ Tân Quý Bình Hưng Hòa, Q Bình Tân	37503222	
102	762300	BC Bốn Xã	Lê Văn Quới K1 17 Bình Hưng Hòa A, Q Bình Tân	39783314	
103	762800	BC Bình Trị Đông	C12/14 Bà Hom KP 16 Bình Trị Đông Q. Bình Tân	38758453/8756000	
104	710020	BC Lê Lợi	2C Lê Lợi Q1	37600000	
105	722700	BC Tú Xương	Tú Xương Q3	37691011	
106	710100	BC Bến Thành	50 Lê Lai Q1	37660318	
107	722200	BC Bàn Cờ	49A Cao Thắng Q3	38772040	
108	755000	BC Tôn Đản	139 Vĩnh Hội Q4	37662144	
109	700100	BC Quốc Tế	125 HBT Q1	38761881	
110	710700	BC Đa káo	19 Trần Q Khải Q1	37560096	
111	710500	BC Nguyễn Du	01 Ng. Văn Bình Q1	37582775	
112	754500	BC Nguyễn Khoái	39 Nguyễn Khoái	38757111	
113	748020	BC Nguyễn Duy Dương	Số 5 Ng. Duy Dương F8 Q5	37790505	
114	748000	BC Nguyễn Trãi	49 Ng. Trãi F2 Q5	37503222	
115	748010	BC Nguyễn Tri Phương	137 Ng. Tri Phương F8 Q5	39616732	
116	749200	BC An Dương Vương	537 ADVương	38756000	
117	748500	BC Hùng Vương	01 Hùng Vương F4	38395057	
118	746610	BC Phú Lâm	487 Ng. Văn Luông	38760761	
119	748290	BC Hòa Bình	101 Bùi Hữu Nghĩa	3924033	
120	743100	BC Lạc Long Quân	509 Lạc Long Quân	3860345	
121	752600	BC Bùi Minh Trực	188 Bùi Minh Trực	3981007	
122	740300	BC Ngã sáu Dân Chủ	1E 3 tháng 2	3839869	
123	751600	BC Nguyễn Thị Tần	8 Ng. Thị Tần	3851061	
124	748100	BC An Đông	34-36 AD Vương	38351001	
125	744900	BC Trần Quý	112 Trần Quý	39560453	
126	752900	BC Đồng Điều	4 Lô H CC Đồng Điều	38508025	
127	744910	BC Phó Cơ Điều	150 Phó Cơ Điều	39560454	
128	740310	BC Sư Vạn Hạnh	A35 Sư Vạn Hạnh	38632572	
129	741900	BC Ngô Gia Tự	Cao ốc A F3	38359494	
130	750100	BC Lê Hồng Phong	011 CC Phan Văn Trị F2	39240324	
131	746000	BC Minh Phụng	277 Hậu Giang Q6	39692756	
132	752300	BC Phú Định	47 Phú Định Q8	38767726	
133	747100	BC Bình Phú	28 Đường 26A Q6	38766953	

134	740400	BC Tô Hiến Thành	136A C1 Tô Hiến Thành	38657343	
135	743010	BC Đầm Sen	92D Hòa Bình Q11	3973699	
136	751000	BC Rạch Ông	60 Ng.Thị Tần Q8	3851682	
137	740000	BC Vĩnh Viễn	05 Lô G CC LTT Kiệt F7 Q11	3853224	
138	751100	BC Dã Tượng	1B Hưng Phú Q8	838548381	
139	742000	BC Bà Hạt	196 Bà Hạt F9 Q10	3927332	
140	743500	BC Tôn Thất Thiệp	34/36 TT Thiệp Q11	3962687	
141	751010	BC Xóm Củi	59-63 Đinh Hòa Q8	3950093	
142	747200	BC Phạm Văn Chí	331 Phạm Văn Chí Q6	3854409	
143	725000	BC Lê Văn Sĩ	241B Lê Văn Sĩ PN	39911560	
144	736600	BC TÂN SƠN NHẤT	2B/2 Bạch Đằng	38159063	
145	760320	BC KCN Tân Bình	Lô 1 Tây Thạnh TP Phú	38159063	
146	717700	BC Cầu Đò	319A4 NTLong BT	38164710	
147	760310	BC Tây Thạnh	481 LT Tân Tân Phú	38164710	
148	736100	BC Bà Quẹo	32/8 Tr.Chính F15 TB	38102799	
149	736200	BC Lý Thường Kiệt	174M LTK F8 TB	38656169	
150	760400	BC Gò Dầu	023 Lô A Gò Dầu 2 TP	38125916	
151	736400	BC Phạm Văn Hai	130/C10 PVHai F2 TB	39912885	
152	717000	BC Thị Nghè	23 XVNT F21 Bthanh	38992243	
153	736000	BC Chí Hòa	695 CMT8 f6 TB	39703413	
154	727400	BC Xóm Mới	1/8 Thống Nhất F15 GV	39165035	
155	727700	BC An Hội	34/8C QTrung GV	39872281	
156	736300	BC Bầu Cát	K1 chợ Bầu Cát F14 TB	38490052	
157	717200	BC Văn Thánh	8 ĐBP F25 B Thạnh	38995731	
158	717400	BC Thanh Đa	138A Bình Quới BT	35566698	
159	760820	BC Phú Thọ Hòa	15 Thạch Lam Tân Phú	38648747	
160	736500	BC Hoàng Hoa Thám	19D H.Hoa Thám TB	38429938	
161	718500	BC Hàng Xanh	283 XVNT F15 BT	38996837	
162	727000	BC Thông Tây Hội	2/1A Qtrung F8 GV	38941428	
163	717500	BC Nơ Trang Long	291C Nơ Trang Long -P12-BT	35162677	
164	727900	BC Trưng Nữ Vương	01 TN Vương F1 GV	35886293	
165	718900	BC Ngô Tất Tố	207 Ngô Tất Tố-P22-BT	38401369	
166	727300	BC An Nhơn	51/375B F17 GV	39846705	
167	737300	BC Bảy Hiền	32A LL Quân F8 TB	39717406	
168	728100	BC Lê Văn Thọ	56 Cây Trâm F11Gvap	35899882	
169	727110	BC Bến Cát	62 Dương Q.Hàm GV	38950029	
170	760010	BC Tân Hương	183 Tân Hương T Phú	35591838	
171	725600	BC Động Ba	105B Phan Đăng Lưu PN	38441605	
<b>45. BR- VŨNG TÀU : 000079</b>				<b>064</b>	<b>8</b>
1	790000	BD TP Vũng Tàu	408 Lê Hồng Phong	3859982	
2	794300	BDH Côn Đảo	48 Nguyễn Huệ, Côn Đảo	3830204	
3	795100	TX Bà Rịa	100 đường 27/4 Phước Hiệp, TX Bà Rịa	3711188	
4	794400	BDH Long Điền	268A-Võ Thị Sáu, TT Long Điền	3862638	
5	794800	BDH Xuyên Mộc	Thị trấn Phước Bửu	3874095	
6	795600	BDH Tân Thành	QL51, TT Phú Mỹ, Tân Thành	3876103	
7	794600	BDH Đất Đỏ	Xã Phước Thạnh, Đất Đỏ, Bà Rịa-Vũng Tàu	3866555	
8	795300	BDH Châu Đức	23 Lê Hồng Phong, TT Ngãi Giao	3968777	
<b>46. BÌNH THUẬN : 000080</b>				<b>062</b>	<b>23</b>
1	800000	BC Phan Thiết 1	19 Đ.Nguyễn Tất Thành, P Bình Hưng	3827892	
2	800100	BC Lê Hồng Phong	02 Đường Lê Hồng Phong P Phú Trinh	3821371	
3	801000	BC Ngã 7	01 Đường Nguyễn Văn Cừ-, P Đức Nghĩa	3817371	
4	801100	BC Mũi Né	Khu phố 6, Phường Mũi Né	3848001	
5	801900	BDH Bắc Bình	96 Đ.Nguyễn Tất Thành, TT Chợ Lâu	3860101	
6	802130	BC Lương Sơn	Thôn Lương Tây, Xã Lương Sơn	3873101	
7	802300	BDH Tuy Phong	Đường 17/4 Tuyền 1, TT Liên Hương	3850101	
8	802450	Phan Rí Cửa	11 Đ. Nguyễn Văn Trỗi TT Phan Rí Cửa	3854101	
9	802800	Hàm Thuận Bắc	Thôn 3, Thị Trấn Ma Lâm	3865101	

10	802820	Phú Long	Thôn Phú An, Thị Trấn Phú Long	3866135	
11	803100	Hàm Thuận Nam	Thôn Nam Thành, Thị Trấn Thuận Nam	3867110	
12	803400	Tánh Linh	Thôn Lạc Hoà 1, Thị Trấn Lạc Tánh	3880101	
13	803490	Măng Tố	Thôn 2, Xã Bắc Ruộng	3891506	
14	803700	Đức Linh	Thôn 1, Thị Trấn Võ Xu	3882712	
15	803830	Đức Tài	Thôn 9, Thị Trấn Đức Tài	3883003	
16	804000	Hàm Tân	Thôn Nghĩa Hiệp, Thị trấn Tân Nghĩa	3877072	
17	804120	Tân Minh	Khu phố 3, Thị Trấn Tân Minh	3878800	
18	804130	Tân Đức	Thôn 1, Xã Tân Đức	3556014	
19	804400	Phú Quý	Thôn Quý Thanh, Xã Ngũ Phụng	3769130	
20	804600	La Gi	388 Thống Nhất, Khu phố 2, P. Tân An	3872780	
21	804610	Phước Hội	180 Lê Lợi, Khu phố 3, P. Phước Hội	3842166	
22	803150	Hàm Mỹ	Km 7, Xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam	3898607	
23	803180	Mương Mán	Thôn Đại Thành, Xã Mương Mán, huyện Hàm Thuận Nam	3868810	

<b>47. ĐỒNG NAI : 000081</b>				<b>061</b>	<b>53</b>
------------------------------	--	--	--	------------	-----------

1	810000	TT TP Biên hòa	Số 1 đường 30/4 Trung Dũng TP Biên Hòa	3946077	
2	812690	Khu Công nghiệp	27 đường 30/4 TP. Biên Hoà	3992200	
3	812760	Long Bình Tân	Q1 15 Bình Dương TP. Biên Hoà	3835366	
4	811430	Tam Hiệp	KP 9 Tam Hiệp TP. Biên Hoà	3813109	
5	811280	Hố Nai	KP 3 Tân Biên TP. Biên Hoà	3881201	
6	811880	Tân Tiến	KP 6 Đồng Khởi Tân Tiến	3996733	
7	811980	Trảng Dài	KP 2 Trảng Dài TP. Biên Hoà	3890600	
8	812630	Hoá An	28 QL 1K Hoá An TP. Biên Hoà	3954449	
9	812380	Bừ Long	KP 4 Bừ Long TP. Biên Hoà	3953280	
10	811080	Quyết Thắng	F Quyết Thắng TP. Biên Hoà	3847000	
11	812200	Quang Vinh	30D CMT8 Quang Vinh TP Biên Hòa	3840853	
12	812610	Chợ Đồn	KP 2 Bừ Hoà TP. Biên Hoà	3859305	
13	812660	Tân Vạn	A2 Bùi Hữu Nghĩa Tân Vạn TP. Biên Hoà	3850642	
14	813700	BDH H. Thống Nhất	QL 1A Bàu hàm TT Huyện Thống Nhất	3762913	
15	813740	Gia Kiệm	ấp Đông Kim Gia Kiệm H. Thống Nhất	3867003	
16	813200	BDH Long Khánh	01 Hùng Vương	3877182	
17	813560	Xuân Tân	ấp Cẩm Tân xã Xuân Tân Long Khánh	3721989	
18	813540	Bảo Vinh	ấp Ruộng Hời xã Bảo Vinh Long Khánh	3792001	
19	816100	BDH Cẩm Mỹ	ấp Suối rằm Long giao	3878737	
20	816130	Sông Ray	ấp Suối Nhất Xuân Đông Huyện Cẩm Mỹ	3712001	
21	816110	Bảo Bình	ấp Tân Bảo Bảo Bình Cẩm Mỹ	3718350	
22	815000	BDH Vĩnh Cửu	KP 5 TT vĩnh an	3861009	
23	4E+06	Thạnh Phú	ấp 1 Thạnh Phú Huyện Vĩnh Cửu	3971800	
24	4E+06	Vĩnh Tân	ấp 2 Vĩnh Tân H. Vĩnh Cửu	3861012	
25	813900	BDH Xuân Lộc	Tân tiền Xuân hiệp	3871105	
26	813910	Xuân Trường 1	khu 8 TT Gia Ray H. Xuân Lộc	3743858	
27	813920	Xuân Tâm	Xuân Tâm H. Xuân Lộc	8771316	
28	813940	Xuân Hưng	Xuân Hưng H. Xuân Lộc	3757324	
29	813960	Xuân Hòa	Xuân Hoà - H. X Lộc	3750818	
30	813970	Xuân Trường 2	Xuân Trường H. Xuân Lộc	3753282	
31	814020	Xuân Thọ	Xuân Thọ H. Xuân Lộc	3731006	
32	814040	Xuân Bắc	Xuân Bắc H. Xuân Lộc	3730747	
33	814080	Bảo Hòa	Bảo Hoà H. Xuân Lộc	3715395	
34	815800	BDH Nhơn Trạch	Đường 25b xã phú hội	3521299	
35	815920	KCN Nhơn Trạch	ấp 4 Hiệp Phước Huyện Nhơn Trạch	3560020	
36	815810	Phước Thiện	ẤP Trầu Phước Thiện -N Trạch	3848838	
37	815860	Đại Phước	ẤP Phước Lý Đại Phước - Nhơn Trạch	3581600	
38	814600	BDH Tân Phú	QL 20 TT tân phú	3856024	
39	814830	Phú Lâm	ấp Phương Lâm 2 xã Phú Lâm Tân phú	3858015	
40	814850	Phú Bình	ấp Phú Tân xã Phú Bình H. Tân phú	3858003	
41	814790	Phú Lập	ấp 2 xã Phú Lập H. Tân phú	3791005	
42	815300	BDH Long Thành	Tổ 2 khu phước hải	3844000	
43	815460	Tam Phước	Xã Tam Phước Huyện Long thành	3511000	

44	815470	Long Đức	Xã Tam Phước -H. Long thành	3528002	
45	815650	Phước Thái	Xã Phước Thái - Long thành	3841000	
46	814200	BĐH Định Quán	Hiệp Tâm 2 TT Định quán	3851009	
47	814390	La Ngà	ấp 4 xã La Ngà Huyện Định quán	3853004	
48	814410	Phú Túc	Đồn điền 1- xã Túc Trung -Định quán	3639003	
49	814470	Phú Cường	xã Phú Cường - Định quán	3639002	
50	816400	BĐH Trảng Bom	Khu phố 3 TT huyện Trảng bom	3866303	
51	816530	Đông Hoà	xã Trung Hoà Huyện Trảng Bom	3868171	
52	816440	Bắc Sơn	xã Bắc Sơn - Trảng Bom	3868171	
53	816410	Hồ Nai 3	xã Hồ Nai 3 - Trảng Bom	3869005	

<b>48. BÌNH DƯƠNG : 000082</b>			<b>0650</b>	<b>32</b>
--------------------------------	--	--	-------------	-----------

1	820000	Thủ dầu một	Phường Phú hòa - TDM	3822125	
2	823900	Thuận an	TT lái thiêu	3759700	
3	824600	Dĩ an	TT dĩ an	3730399	
4	823600	Dầu tiếng	TT Dầu Tiếng	3561333	
5	822800	Phú Giáo	TT Phước Vĩnh	3672711	
6	822300	Tân Uyên	Khu 5, Uyên Hưng, Tân Uyên	3656415	
7	823100	Bến Cát	Đường D1-N1 Khu Phố 4, TT Mỹ Phước, Bến Cát	3564416	
8	822610	Tân Ba	Ấp Tân Ba, Thái Hòa, Tân Uyên	3658700	
9	822540	Tân Phước Khánh	KP Khánh Hòa, Tân Phước Khánh, Tân Uyên	3659611	
10	822460	Khánh Bình	Ấp 3B, Khánh Bình, Tân Uyên	3652440	
11	822430	Bình Mỹ	Ấp Đồng Sặc, Bình Mỹ, Tân Uyên	3684500	
12	823760	Thanh Tuyền	Ấp Chợ, Thanh Tuyền, Dầu Tiếng	3562310	
13	823240	Lai Uyên	Ấp Xà Mách, Lai Uyên, Bến Cát	3562800	
14	823340	Phú An	Ấp An Thành, An Tây, Bến Cát	3562200	
15	823414	KCN Mỹ Phước 3	Đường NE8 ,	3577498	
16	823120	KCN Mỹ Phước	Ấp 3, Thới Hòa, Bến Cát	3566990	
17	824730	Bình An	Khu Phố 2, TT Mỹ Phước, Bến cát	3781111	
18	824900	Sóng Thần	Nội Hóa, Bình An, Dĩ An	3790100	
19	825063	Bình Minh	02 đại lộ Độc Lập KCN Sóng Thần, Xã An Bình,	3736420	
20	824780	Tân Đông Hiệp	Nguyễn An	3728880	
21	823970	Đồng An	Ninh, Dĩ An, Dĩ An	3782600	
22	823980	Khu công nghiệp VSIP	ĐT 743, Tân Đông Hiệp, Dĩ An	3782500	
23	824130	An Phú	đường số 4 KCN Đồng An , Bình Hòa , Thuận An	3740000	
24	821390	Tương Bình Hiệp	ĐLộ Bình Dương , Bình Hòa , Thuận An	3829749	
25	822500	Phú Mỹ	ĐT 743 Ấp 1A, An Phú , Thuận An	3823200	
26	821480	Phú Cường	Đường Lê Ký Vân, Tương Bình Hiệp, Thủ Dầu M	3824110	
27	824300	Bình Chuẩn	Tạo Lực 2, Phú Chánh , Tân Uyên	3788009	
28	823460	Sơ Sao	Số 10 Đinh Bộ Lĩnh, Phú Cường, Thủ Dầu Một	3560999	
29	822940	Phước Hòa	Ấp Bình Phú , Bình Chuẩn , Thuận An	3657189	
30	822830	An Bình	Ấp 1, Tân Định, Bến Cát	3688000	
31	824200	BC Thuận Giao	Ấp Hòa Lân 1, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An,	3718222	
32	824450	Vĩnh Phú	Vĩnh Phú, Ấp Trung, Xã Vĩnh Phú, Thuận An, Bì	3785902	

<b>49. BÌNH PHƯỚC : 000083</b>			<b>0651</b>	<b>8</b>
--------------------------------	--	--	-------------	----------

1	830000	BĐ TX Đồng Xoài	QL 14, Phường Tân Phú, TX Đồng Xoài	3887117	
2	832900	BĐH Bình Long	QL 13, TT An Lộc, Bình Long, Bình Phước	3666212	
3	831700	BĐH Bù Đăng	Khu Hoà Đồng, TT Đức Phong, Bù Đăng	3974212	
4	833600	BĐH Bù Đốp	Ấp 8, TT Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước	3563717	
5	833300	BĐH Chơn Thành	Tổ 5, KP5, TT Chơn Thành, Chơn Thành	3668888	
6	831500	BĐH Đồng Phú	Đường ĐT 741, TT Tân Phú, Đồng Phú	3832222	
7	832500	BĐH Lộc Ninh	QL 13, TT Lộc Ninh, Lộc Ninh, Bình Phước	3568212	
8	832000	BĐH Phước Long	7 Đinh Tiên Hoàng, TT Thác Mơ, Phước Long	3778212	

<b>50. TÂY NINH : 000084</b>			<b>066</b>	<b>21</b>
------------------------------	--	--	------------	-----------

1	840000	BC TT Khai thác-VC	285 Đường CMT8 Phường 3 TX TNinh	3822503	
2	842400	BĐH Châu Thành	Tổ 1 khu phố 1 TT Châu Thành Tây Ninh	3878289	

3	843100	BDH Gò Dầu	ấp Thanh Hà TT Gò Dầu Tây Ninh	3854175	
4	842700	BDH Hoà Thành	Khu phố 4 TT Hoà Thành Tây Ninh	3840000	
5	841700	Dương Minh Châu	Khu phố 1 TT Dương Minh Châu Tây Ninh	3877311	
6	842900	BDH Bến Cầu	Khu phố 2 TT Bến Cầu Tây Ninh	3876452	
7	843300	BDH Trảng Bàng	Đường quốc lộ 22 TT Trảng Bàng TNinh	3883666	
8	842200	BDH Tân Biên	Khu phố 2 TT Tân Biên Tây Ninh	3874222	
9	841900	BDH Tân Châu	Khu phố 1 TT Tân Châu Tây Ninh	3875583	
10	841120	BC 3 Hiệp Ninh	799 Đ. CMT8 P.Hiệp Ninh TX Tây Ninh	3821551	
11	841380	BC 3 Ninh Sơn	ấp Ninh Thọ xã Ninh Sơn TX Tây Ninh	3821553	
12	841410	BC 3 - Phường 1	002 Đường Tua Hai p. 1 TX Tây Ninh	3827991	
13	842950	BC3 Long Thuận	ấp Long Hoà xã Long Thuận Bến Cầu	3876574	
14	841960	Tân Đông	Ấp Đông Tiên Xã Tân Đông	3751234	
15	842250	Tân Lập	Ấp Tân Hoà Xã Tân Lập	3742244	
16	843440	KCN Trảng Bàng	Ấp An Bình Xã An Tịnh	3896775	
17	841720	Bàu Nặng	Ấp Ninh Hiệp Xã Bàu Nặng	3777224	
18	842500	Thành Long	Tổ 1 Ấp Thành Trung Xã Thành Long	3783234	
19	842420	Thái Bình	Tổ 1 Ấp Bình Phong Xã Thái Bình	3789224	
20	842740	Mít Một	Ấp Hiệp Hoà Xã Hiệp Tân	3646300	
21	842980	Khâu Mộc Bài	Ấp Thuận Tây Xã Lợi Thuận	3876544	

<b>51. LONG AN : 000085</b>			<b>072</b>	<b>18</b>
-----------------------------	--	--	------------	-----------

1	852300	Bến Lức	Ấp Văn Thị trấn Bến Lức	3871007	
2	852350	Gò Đen	Ấp Chợ xã Phước Lợi B.Lức	3870007	
3	852700	Cần Đước	Khu IA Thị trấn Cần Đước	3881007	
4	852810	Rạch Kiến	Ấp 5 xã Long Hòa Cần Đước	3880007	
5	853100	Cần Giuộc	12 đường QL50TT Cần Giuộc	3875007	
6	851800	Châu Thành	47 hẻm khóm 3 đường 827	3877007	
7	853700	Hậu Nghĩa	Khu B Thị trấn Hậu Nghĩa	3851007	
8	853950	Đức Hòa	đường tỉnh lộ 9 TT Đức Hòa	3507844	
9	854200	Đức Huệ	đường 838 thị trấn Đông Thành	3854107	
10	854800	Mộc Hóa	14 đường 30/4 TT Mộc Hóa	3841007	
11	855300	Tân Hưng	2 Khu phố Gò Thuyền TT Tân Hưng	3861007	
12	854600	Tân Thạnh	Khu vực 1 Thị trấn Tân Thạnh	3844007	
13	852100	Tân Trụ	Ấp Tân Bình Thị trấn Tân Trụ	3867007	
14	854400	Thạnh Hóa	đường lộ trung tâm TT Thạnh Hóa	3857007	
15	853400	Thủ Thừa	42 Trưng Trắc TT Thủ Thừa	3864007	
16	855100	Vĩnh Hưng	Khu phố 1 TT Vĩnh Hưng	3847007	
17	850000	BD TX Tân An	01 Quốc lộ 1 phường 2 Tân An	3824883	
18	851000	BC Chợ Tân An	55 Trương Định Phường 1	3826995	

<b>52. TIỀN GIANG : 860000</b>			<b>073</b>	<b>9</b>
--------------------------------	--	--	------------	----------

1	860000	BD TP Mỹ Tho	59, đường 30/4, P1, TP Mỹ Tho	3873214	
2	864700	BDH Cái Bè	Khu 1A, TT Cái Bè, huyện Cái Bè	3923666	
3	864100	BDH Cai Lậy	62, đường Quốc lộ 1A, Thị Trấn Cai Lậy	3826503	
4	863400	BDH Châu Thành	Ấp Cá, Thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành	3831200	
5	862000	BDH Chợ Gạo	129, Ô 1khu 2, thị trấn Chợ Gạo,	3835224	
6	863000	Gò Công Đông	Khu phố Hòa Thơm , thị trấn Tân Hòa	3846112	
7	862400	Gò Công Tây	Ấp Hạ, TT Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây	3838351	
8	863900	BDH Tân Phước	Khu 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước	3848002	
9	862700	BD TX Gò Công	4 Hai Bà Trưng, phường 2, TX Gò Công	3841647	

<b>53. ĐỒNG THÁP : 000087</b>			<b>067</b>	<b>11</b>
-------------------------------	--	--	------------	-----------

1	871000	BD TP. Cao Lãnh	85 Nguyễn Huệ F1 TP. Cao Lãnh	3 851303	
2	871400	BDH Tháp Mười	Thị trấn Mỹ An, h. Tháp Mười	3 824101	
3	871700	BDH Tam Nông	Thị trấn Tràm Chim h. Tam Nông	3827401	
4	871900	BDH Tân Hồng	Thị trấn Sa rài h. Tân Hồng	3 830101	
5	872100	BDH Hồng Ngự	Thị trấn Hồng Ngự h. Hồng Ngự	3837336	
6	872400	BDH Thanh Bình	Thị trấn Thanh Bình h. Thanh Bình	3 833001	
7	872600	BDH Lấp Vò	Thị trấn Lấp Vò h. Lấp Vò	3 845101	

8	872800	BDH Lai Vung	Thị trấn Lai Vung h. Lai Vung	3 848800	
9	873100	BD TX Sadec	90 Hùng Vương F2, TX. Sadec	3 868789	
10	873800	BDH Châu Thành	Thị trấn Cái Tàu Hạ h. Châu Thành	3 841770	
11	874000	BDH Cao Lãnh	Thị trấn Mỹ Thọ h. Cao Lãnh	3 822188	

**54. AN GIANG : 000088**
**076**
**14**

1	880000	TP LONG XUYEN	106 Trần Hưng Đạo, Mỹ Bình, Long Xuyên	3853605	
2	883700	BC AN PHU	Đường Thoại Ngọc Hầu, An Phú	3826764	
3	883000	BC CHAU DOC	73 Lê Lợi, Châu Phú B, TX. Châu Đốc	3866416	
4	882800	BC CHAU PHU	27 Trần Quang Khải, Bình Hòa, TT Cái Dầu,	3688222	
5	882200	BC CHAU THANH	Hoà Phú 3, TT An Châu, Châu Thành	3836900	
6	881600	BC CHO MOI	Số 5 Lê Lợi, TT Chợ Mới	3883201	
7	882500	BC PHU TAN	Ấp Trung Hòa, xã Tân Trung, Phú Tân	3827272	
8	883400	BC TAN CHAU	46 đường Thoại Ngọc Hầu, Tân Châu	3822009	
9	884600	BC THOAI SON	Số 352 đường Nguyễn Huệ, Thoại Sơn	3879268	
10	884000	BC TINH BIEN	Khóm Trà Sư, TT Nhà Bàng, Tịnh Biên	3875229	
11	884300	BC TRI TON	140 Trần Hưng Đạo, Tri Tôn	3874001	
12	881360	BC VAM CONG	20/12 Đông Thạnh, Mỹ Thạnh, Long Xuyên	3831108	
13	881000	BC MY LONG	11-13 Ngô Gia Tự, Mỹ Long, Long Xuyên	3840986	
14	881900	BC MY LUONG	Ấp Thị 1, Mỹ Luông, Chợ Mới	3885907	

**55. VĨNH LONG : 000089**
**070**
**14**

1	890000	Bru điện Trung Tâm	12 C Hoàng Thái Hiếu phường 1	3822831	
2	891130	BC Phước Thọ	2D Phó Cơ Điều phường 8	3878173	
3	891050	BC Nguyễn Huệ	144 Nguyễn Huệ phường 2	3862306	
4	891300	BD Long Hồ	Khóm 1 thị trấn Long Hồ	3850222	
5	891470	BC Cầu Đôi	Xã Lộc Hòa huyện Long Hồ	3811999	
6	891460	KCN Hòa Phú	Xã Hòa Phú Long Hồ	3962999	
7	893400	BC Mang Thít	Khóm 1 thị trấn Cái Nhum	3840222	
8	892900	BC Vũng Liêm	Khóm 1 thị trấn Vũng Liêm	3870222	
9	891700	BC Tam Bình	Khóm 3 thị trấn Tam Bình	3860222	
10	892100	BC Bình Minh	127/5 Ngô Quyền khóm 1, TT Cái Vồn	3890110	
11	893800	BC Bình Tân	ấp Thành Quới xã Thành Đông	3760888	
12	892500	BC Trà Ôn	10A Lê Văn Duyệt, TT Trà Ôn	3770222	
13	892610	BC Hựu Thành	Khu phố chợ Hựu Thành	3777222	
14	892580	BC Vĩnh Xuân	ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Xuân	3884922	

**56. CẦN THƠ : 000090**
**0710**
**21**

1	900000	BD TP Cần Thơ	02 Hoà Bình Phường An Hội Quận Ninh Kiều	3826653	
2	902070	BC Mậu Thân	Số 1 Đường 3/2 P.Xuân Khánh Q.Ninh Kiều	3830101	
3	901000	BC Cái Khế	24B Đ. Nguyễn Trãi P.Cái Khế Q.Ninh Kiều	3822020	
4	902220	BC Hưng Lợi	190 Đường 30/04 P.Hưng Lợi Q. Ninh Kiều	3839100	
5	903670	BC Cái Răng	01 Đinh Tiên Hoàng P.Lê Bình Q.Cái Răng	3846053	
6	903040	BC Trà Nóc	Tổ 8 KV2 Lê Hồng Phong Q.Bình Thủy	3841414	
7	902870	BC An Thới	23 CMT8 P.Thới Q.Bình Thủy	3827500	
8	904000	BC Ô Môn	Đường 26/3 P.Châu Văn Liêm Quận Ô Môn	3861814	
9	904400	BDH Phong Điền	Ấp Nhơn Lộc 2 Xã Nhơn Ái H. Phong Điền	3942015	
10	904600	BDH Cờ Đỏ	Ấp Thới Thuận A TT. Thới Lai Huyện Cờ Đỏ	3689299	
11	904660	BDH Cờ Đỏ	Ấp Thới Hòa A Thị trấn Cờ Đỏ huyện Cờ Đỏ	3865209	
12	904200	BDH Thốt Nốt	24 Đường Lê Thị Tạo TT. Thốt Nốt	3851999	
13	904250	BDH Thới Thuận	Ấp Thới Hòa Xã Thới Thuận H. Thốt Nốt	3859100	
14	905000	BC Vĩnh Thạnh	Ấp Quy Lân 5 Xã Thạnh Quới	3858400	
15	905010	BC Thạnh An	Ấp Phụng Quới A TT. Thạnh An	3652600	

16	902230	Hưng Lợi 2	219 đường 3/2 P Hưng Lợi Q. Ninh Kiều	3738751	
17	901010	Chợ Cái Khế	90-92 B Trần Văn Khéo P Cái Khế Q Ninh Kiều	3762645	
18	902080	Xuân Khánh	207 đường 30/4 P Xuân Khánh Q. Ninh Kiều	3751001	
19	901150	An Hòa	98 đường Mậu Thân P.An Hòa Q.Ninh Kiều	3893308	
20	902800	Bình Thủy	8/4 Bùi Hữu Nghĩa KV2 P.Bình Thủy Q Bình Thù	3841200	
21	903050	Hội Lực	2 Lê Hồng Phong P.Trà An Q.Bình Thủy	3841370	

<b>57. HẬU GIANG : 000091</b>			<b>0711</b>	<b>15</b>
-------------------------------	--	--	-------------	-----------

1	910000	TTBD Vị Thanh	305A Trần Hưng Đạo	3876591	
2	912200	BD Vị Thủy	Áp 1 TT Nàng Mau	3571567	
3	911500	BD Long Mỹ	Số 4 đường 30/4	3871227	
4	912500	BD Châu Thành A	TT 1 ngàn	3946502	
5	912700	BD Châu Thành	ấp Đồng Mỹ TT Ngã 6	3948033	
6	911800	BD Phụng Hiệp	ấp Mỹ Quới TT Cây Dương	3996007	
7	913100	BĐTX Ngã bảy	KV 1 TX Ngã Bảy	3866919	
8	911360	Phường 7	Số 13 Nguyễn Trung Trực, Phường 7, thị Xã Vị Th	3879255	
9	911930	Hòa An	Áp Cầu Xáng, Tân Bình, Phụng Hiệp	3869115	
10	911890	Long Thành	120 Ấp Long Hòa 1, Long Thành, Phụng Hiệp	3868238	
11	911870	Cầu Trắng	205 Ấp Thạnh Lợi A1, Tân Long, Phụng Hiệp	3986222	
12	912510	Thạnh Xuân	Thị trấn Gạch Gò, Châu Thành A	3849101	
13	912530	Cái Tắc	Thị trấn Cái Tắc, Châu Thành A	3848101	
14	912610	Tân Hoà	Xã Tân Hòa, Châu Thành A	3959300	
15	912260	Vị Thanh	Áp 1, Xã Vị Thanh, Vị Thủy	3566100	

<b>58. KIÊN GIANG : 000092</b>			<b>077</b>	<b>26</b>
--------------------------------	--	--	------------	-----------

1	922400	An Biên	Khu phố 2, thị trấn Thứ 3, huyện An Biên	3510810	
2	922700	An Minh	Số 898, KV 2, TT Thứ 11, huyện An Biên	3887066	
3	923000	Châu Thành	Khu phố Minh Phú TT Minh Lương, Châu Thành	3836085	
4	923800	Giồng Riềng	Khu Nội Ô TT Giồng Riềng	3821197	
5	923500	Gò Quao	Áp Phước Hưng 1, thị trấn Gò Quao	3824072	
6	922000	Hà Tiên	Số 3 Tô Châu Ph. Đông Hồ Thị xã Hà Tiên	3852190	
7	921600	Hòn Đất	Áp Đường Hòn, TT Hòn Đất	3841374	
8	924100	Kiên Hải	Áp 1 xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải	3830022	
9	921800	Kiên Lương	Áp Ngã Ba, TT Kiên Lương	3853071	
10	922200	Phú Quốc	Số 10, đường 30/4, KP 2, TT Dương Đông	3846117	
11	920000	Rạch Giá	Số 1 Mạc Cửu, F.Vĩnh Thanh TP.Rạch giá	3921091	
12	921400	Tân Hiệp	Khóm B, thị trấn huyện Tân Hiệp	3727555	
13	923200	Vĩnh Thuận	Áp Vĩnh Đông 2, TT huyện Vĩnh Thuận	3829065	
14	924600	U Minh Thượng	89 ấp Cạn Ngọn xã Thạnh Yên, UMinhThượng.	3883388	
15	921190	An Hòa	575 Nguyễn Trung Trực, F.An Hòa	3810226	
16	923940	Long Thành	ấp Bến nhứt Xã Long Thành Giồng Riềng	3822614	
17	923550	Sóc Ven	Áp An Trung xã Định An Sóc Ven	3825007	
18	921220	Rạch Sỏi	32, CMT8, Phường Vĩnh Lợi, Rạch Giá, Kiên Giang	3913103	
19	922510	Thứ Bảy	Áp Bảy Chợ, Xã Đông Thái, An Biên, Kiên Giang	3524000	
20	921620	Bình Sơn	Áp Thuận Tiền Xã Bình Sơn Hòn Đất	3842312	
21	921890	Bình An	ấp Thị Tứ TT Sóc Sơn Huyện Hòn Đất	3842045	
22	921810	Ba Hòn	ấp Hòn Chông xã Bình An Kiên Lương	3759333	
23	922280	An Thới	Áp Ba Hòn thị trấn Kiên Lương	3854111	
24	921490	Kinh Tám	Khu phố 3 TT An Thới Huyện Phú Quốc	3844339	
25	921660	Sóc Xoài	ấp Đông phước xã Thạnh Đông A Tân Hiệp	3730345	
26	923080	Tắc Cậu	Áp Minh Phong, Xã Bình An, Châu Thành, Kiên G	3617199	

<b>59. BẾN TRE : 000093</b>			<b>075</b>	<b>8</b>
-----------------------------	--	--	------------	----------

1	930000	TTGD TX Bến tre	Số 3 Đại lộ Đồng Khởi,F3, TXBT	3822162	
2	931300	Châu Thành	KP2, Thị trấn Châu Thành	3860801	
3	933300	Ba Tri	1A Trần Hưng Đạo,KP2,	3850002	
4	932600	Giồng Trôm	KP1, Thị trấn Giồng Trôm	3861055	

5	932000	Mỏ Cà	KP2, Quốc lộ 60, Thị trấn Mỏ Cà	3662799	
6	933000	Thanh Phú	26/4A ấp 10, Thị trấn Thanh Phú	3878200	
7	933700	Bình Đại	KP1, Thị trấn Bình Đại	3851932	
8	931700	Chợ Lách	KP1, Thị trấn Chợ Lách	3871401	

<b>60. TRÀ VINH : 000094</b>				<b>074</b>	<b>13</b>
------------------------------	--	--	--	------------	-----------

1	940000	BC Trung tâm Thị Xã	Số 70A Hùng Vương Thị xã Trà vinh	3855186	
2	941700	BDH Càng Long	TT huyện Càng Long	3882200	
3	942100	BDH Cầu Kè	TT huyện Cầu kè	3834444	
4	943500	BDH Cầu Ngang	TT huyện Cầu ngang	3825444	
5	942600	BDH Châu Thành	TT huyện Châu thành	3872200	
6	943900	BDH Duyên Hải	TT huyện Duyên Hải	3832444	
7	942300	BDH Tiểu Cần	TT huyện Tiểu Cần	3822948	
8	943000	BDH Trà Cú	TT huyện Trà cú	3874444	
9	941160	Bru cục Càng	Ấp Vĩnh Yên, Xã Long Đức, TX trà Vinh	3846103	
10	941890	Bru cục Tân An	Ấp Tân An Chợ, Xã Tân An Huyện Càng Long	3886100	
11	941930	Bru cục Bình Phú	Ấp Nguyệt Lãng A Xã Bình Phú Huyện Càng Long	3888504	
12	941950	Bru cục Phương Thạnh	Ấp Đầu Giồng Xã Phương Thạnh Huyện Càng Long	3880100	
13	942510	Bru cục Cầu Quan	Khóm 1 Thị trấn Cầu Quan Huyện Tiểu Cầu	3616484	

<b>61. SÓC TRĂNG : 000095</b>				<b>079</b>	<b>8</b>
-------------------------------	--	--	--	------------	----------

1	950000	BC TP Sóc Trăng	01 Trần Hưng Đạo Phường 3 Sóc Trăng	3825200	
2	952000	Kế Sách	08 đường 30/4 Ấp An Ninh 1 TT Kế Sách	3876320	
3	951700	Long phú	Ấp 3 TT Long Phú huyện Long Phú	3856333	
4	953000	Mỹ Xuyên	01 Lê Lợi TT Mỹ Xuyên huyện Mỹ Xuyên	3851399	
5	953500	Vĩnh Châu	Khu 2 Đ. 30/4 TT Vĩnh Châu huyện Vĩnh Châu	3861011	
6	952700	Thanh Trị	Ấp 2 TT Phú Lộc huyện Thanh Trị	3867111	
7	952300	Mỹ Tú	01 Trần Phú Ấp Cầu đôn TT Huỳnh Hữu Nghĩa hu	3871073	
8	954100	Ngã Năm	Ấp 1 TT Ngã Năm huyện Ngã Năm	3869791	

<b>62 BAC LIEU : 000096</b>				<b>*0781</b>	<b>13</b>
-----------------------------	--	--	--	--------------	-----------

1	960000	BD TX Bạc Liêu	20 Trần Phú TX BL	3953922	
2	962900	BDH Đông Hải	Thị trấn Gành Hào, Đông hải, Bạc Liêu	3844448	
3	962600	BDH Giá Rai	ấp 1 thị trấn Giá Rai, Giá Rai, Bạc Li êu	3850214	
4	963200	BDH Hoà Bình	ấp Thị trấn A, TT Hoà Bình, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	3880004	
5	962400	BDH Hồng Dân	Nội ô, TT Ngan Dừa, Hồng Dân, Bạc Liêu	3876315	
6	962100	BDH Phước Long	Long Thành, TT Phước Long, Phước Long, Bạc Li	3864241	
7	961500	BDH Vĩnh Lợi	ấp Thị trấn A, TT Hoà Bình, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	3735014	
8	962720	Hộ Phòng	171 Ấp 1 thị trấn Hộ Phòng huyện Giá Rai	3850330	
9	962800	Láng Trám	Ấp Xóm Mơi Xã Tân Thạnh huyện Giá Rai	3853853	
10	962610	Lăng Tròn	Xã Phong Thạnh Đông A huyện Giá Rai	3852600	
11	963390	Cầu Số 2	Ấp 13 Xã Vĩnh Mỹ B huyện Hoà Bình	3880012	
12	961580	Cầu Sập	Ấp Tân Long Xã Long Thạnh huyện Vĩnh Lợi	3891601	
13	953800	Cù Lao Dung	Ấp Phước Hòa B, Thị trấn Cù Lao Dung, Huyện Cù Lao Dung	3860696	

<b>63. CÀ MAU : 000097</b>				<b>0780</b>	<b>21</b>
----------------------------	--	--	--	-------------	-----------

1	970000	BD TP Cà Mau	03 Lưu Tấn Tài phường 5 TP Cà Mau	3824824	
2	972700	Cái Nước	Khóm 3 TT Cái Nước Huyện Cái Nước	3883504	
3	973000	Đầm Dơi	Khóm 4 TT Đầm Dơi Huyện Đầm Dơi	3858300	
4	973900	Năm Căn	KV 3 khóm 1 TT Năm Căn Huyện Năm Căn	3877850	
5	973400	Ngọc Hiển	Ấp Kiến Vàng Xã Tân Ân, H. Ngọc Hiển	3719004	
6	973600	Phú Tân	Khóm 1 TT Cái Đoi Vàm Huyện Phú Tân	3889780	
7	972300	Trần Văn Thời	Khóm 9 TT Trần Văn Thời H. Trần Văn Thời	3895108	
8	971800	Thới Bình	khóm 1 TT Thới Bình Huyện Thới Bình	3860989	
9	972100	U Minh	Khóm 3 TT U Minh Huyện U Minh	3863130	
10	971360	Nguyễn Tấn Thành	Phường 8 TP. Cà Mau	3581244	
11	971430	Tân Thành	Phường 6 Cà Mau	3696102	
12	971470	Tắc vân	Tắc Vân TP. Cà Mau	3847053	

13	971850	Trí Phái	Áp 2 ,Xã Trí Phái, Thới Bình,Cà Mau	3862666	
14	972220	Khánh hội	Áp 3, Khánh Hội, U Minh,Cà Mau	3865747	
15	973460	Viên An	Áp Ông Trang, Viên An, Ngọc Hiến, Cà Mau	3872415	
16	972850	Hung Mỹ	Xã Hung Mỹ, Cái Nước, Cà Mau	3880115	
17	973680	BC Phú Tân	Áp Cái Đồi, Xã Phú Tân, Phú Tân , Cà Mau	3885615	
18	973700	Gò Công	Áp Gò Công, Xã Nguyễn Việt Khải, Phú Tân, Cà Mau	3887515	
19	972550	Sông Đốc B	Khóm 4,Thị Trấn, Sông Đốc, Trần Văn Thời, Cà Mau	3898601	
20	972540	Sông Đốc A	Khóm 3,Thị Trấn, Sông Đốc, Trần Văn Thời, Cà Mau	3890000	
21	973240	khánh hội	Áp VĂM ĐÀM, Xã Nguyễn Huân, Đầm Dơi ,Cà Mau	3859566	
<b>T ỜNG CỘNG:</b>					<b>1238</b>

















|

|















mới







đã sửa



đã sửa

ko trùng

Mới 29/7

Mới 29/07